



CÔNG TY CP XÀ PHÒNG HÀ NỘI
Hanoi Soap Joint Stock Company

WWW.XPH.VN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2015





XÀ PHÒNG HÀ NỘI 56 NĂM UY TÍN THƯƠNG HIỆU VIỆT NAM

PREMIUM QUALITY
SATISFACTION GUARANTEED

Since 1960
thành lập năm 1960

BEST Product
FANTASTIC OFFER

AVO

XPH
Since 1960

AVO

NƯỚC GIẶT

SHINY
Lau Sàn

SHINY
NƯỚC RỬA BÁT

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	4
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	13
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	25
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	35
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	41
VI. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT	45
VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	52

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội
- Tên giao dịch tiếng anh: Hanoi Soap Joint Stock Company
- Tên viết tắt: HASO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100311
- Vốn điều lệ: 129.724.750.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 129.724.750.000 đồng
- Địa chỉ đăng ký kinh doanh: Số 233B đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Địa chỉ văn phòng: Lô CN3.2 Khu công nghiệp Thạch Thất-Quốc Oai, Hà Nội.
- Số điện thoại: 38587051
- Số fax: 38584486
- Website: haso.vn ; xph.vn
- Mã cổ phiếu: XPH

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần xà phòng Hà nội được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa theo quyết định số 248/2003/QĐ-BCN ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ công nghiệp.
- Trước đây là Nhà máy xà phòng Hà Nội là một doanh nghiệp nhà nước thuộc ngành hoá chất trực thuộc Bộ công nghiệp nặng và chịu sự quản lý trực tiếp của Tổng cục hóa chất (nay là Tập đoàn hoá chất Việt nam) với nhiệm vụ chủ yếu là sản xuất các chất tẩy rửa tổng hợp, xà phòng tắm, kem đánh răng phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, nhà máy xà phòng Hà Nội được khởi công xây dựng vào năm 1958 và đi vào hoạt động từ năm 1960.
- Từ năm 1960 đến năm 1990 nhà máy hoạt động dưới sự chỉ đạo của Bộ Công nghiệp nặng, sản xuất kinh doanh theo chỉ tiêu kế hoạch của nhà nước.
- Năm 1993, để phù hợp với luật tổ chức công ty, Nhà máy xà phòng Hà Nội đã đổi tên thành Công ty xà phòng Hà Nội, thực hiện tổ chức quản lý và sản xuất theo mô hình công ty.
- Tháng 12 năm 1994, trong xu thế phát triển chung của nền kinh tế đất nước, công ty đã liên doanh với Tập đoàn Unilever. Toàn bộ công ty trước đây được tách thành 2 doanh nghiệp:
 - o Doanh nghiệp 1: Công ty xà phòng Hà Nội.

- Doanh nghiệp 2: Công ty liên doanh Lever- Haso.
- Năm 2003, toàn bộ phần vốn góp của Công ty Xà phòng Hà Nội tại Công ty Liên doanh Lever-Haso được bàn giao cho Tổng công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) quản lý trước khi cổ phần hóa.
- Ngày 01 tháng 02 năm 2005, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.
- Tháng 4 năm 2012, Công ty chuyển nhà máy sản xuất về lô CN3.2 Khu công nghiệp Thạch Thất-Quốc Oai, Hà Nội.

3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

- Ngành nghề kinh doanh:
 - Sản xuất gia công chất tẩy rửa dạng lỏng, xà phòng thơm cho Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam.
 - Sản xuất sản phẩm của Công ty mang thương hiệu: nước giặt AVO, nước rửa chén SHINY, xà phòng thơm AVO...
 - Kinh doanh hóa chất cơ bản như: muối sulphate
- Địa bàn kinh doanh: thành phố Hà Nội, Hải phòng và một số tỉnh lân cận.

4. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

a) **Hội đồng quản trị**

Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại điều 25, chương VII, mục “Hội đồng quản trị”, bản “*Điều lệ Công ty cổ phần Xà phòng Hà Nội*”.

b) **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp.
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải gửi báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo của cơ quan kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

c) **Giám đốc**

- Điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
- Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
- Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- Quyết định nguồn lực cần thiết để duy trì hệ thống chất lượng và hệ thống thực hành sản xuất tốt.
- Điều hành các cuộc xem xét của lãnh đạo về hệ thống quản lý chất lượng & hệ thống thực hành sản xuất tốt GMP.
- Phân công chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn cho các trường bộ phận.
- Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- Ngoài những điều trên, trách nhiệm và quyền hạn của Giám đốc còn được quy định cụ thể tại điều 30, chương VIII, mục “Giám đốc Công ty & các cán bộ quản lý khác và thư ký công ty” bản “*Điều lệ Công ty cổ phần Xà phòng Hà Nội*”

d) Ban kiểm soát: được quy định cụ thể tại điều 33, chương IX “Ban kiểm soát” bản “*Điều lệ Công ty cổ phần Xà phòng Hà Nội*”

e) Phó Giám đốc kỹ thuật

- Phụ trách khối kỹ thuật & khối sản xuất.
- Phụ trách chung các vấn đề liên quan đến an toàn, sức khỏe và môi trường.
- Phụ trách việc thực hiện các chương trình đào tạo và công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật.
- Chỉ đạo thực hiện các kế hoạch hàng năm về sản lượng, trang bị kỹ thuật, đào tạo kỹ thuật cho công nhân, đổi mới sản phẩm để phát triển sản xuất, giám sát việc tiêu hao định mức tại các phân xưởng,
- Lập chính sách và mục tiêu chất lượng.
- Đề xuất nguồn lực cần thiết để duy trì, giám sát hệ thống chất lượng và hệ thống thực hành sản xuất tốt GMP.
- Điều hành các cuộc xem xét của lãnh đạo về hệ thống chất lượng và hệ thống thực hành sản xuất tốt GMP (khi được Giám đốc ủy quyền).
- Chịu trách nhiệm triển khai và duy trì hoạt động 5S và VCS trong toàn Công ty.

f) Đại diện lãnh đạo

Công ty chỉ định Phó Giám đốc kỹ thuật là đại diện lãnh đạo (MR), MR có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ xem xét hệ thống quản lý chất lượng & hệ thống thực hành sản xuất tốt GMP.
- Tổ chức các cuộc đánh giá nội bộ và đánh giá từ bên ngoài theo định kỳ về hệ thống quản lý chất lượng và hệ thống thực hành sản xuất tốt GMP
- Báo cáo cho lãnh đạo cấp cao nhất về hoạt động của hệ thống chất lượng và hệ thống thực hành sản xuất tốt GMP, kể cả các nhu cầu cải tiến.
- Đại diện cho Công ty để liên hệ với các tổ chức bên ngoài về các vấn đề liên quan tới hệ thống chất lượng và hệ thống thực hành sản xuất tốt GMP

g) Trưởng phòng TCKT:

- Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán.
- Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán trong phạm vi toàn Công ty.
- Phân tích thông tin, số liệu kế toán; tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của Công ty.
- Giám sát thực hiện Quy chế tài chính và các quy chế, quy định đã được HĐQT Công ty phê duyệt;
- Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật.

h) Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính

- Xác định các yêu cầu trình độ chuyên môn cho cán bộ nhân viên.
- Tổ chức sử dụng lao động khoa học, hợp lý.
- Xác định và xây dựng các tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ.
- Lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động đào tạo cán bộ công nhân viên.
- Tổ chức và quản lý công tác hành chính.
- Thực hiện việc bảo vệ tài sản của Công ty, bảo đảm an ninh chính trị, phòng chống cháy nổ.
- Bảo quản, sử dụng tốt các trang thiết bị được cấp.
- Quản lý lao động đang làm việc tại Công ty và điều động lao động làm việc đáp ứng với yêu cầu của sản xuất - kinh doanh.
- Xác định nhu cầu và tuyển dụng lao động bổ sung nguồn lực phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Trực tiếp chỉ đạo bộ phận kho vận phụ trách tất cả các kho miền Bắc và đơn vị làm dịch vụ quản lý kho miền Nam.
- Phối hợp với phòng KH-TT để trao đổi thông tin nhập, xuất hàng.
- Phối hợp với phòng TC-KT chỉ đạo thực hiện công tác kiểm kê, quản lý kho...
- Chủ động chỉ đạo bộ phận kho kiểm kê kho hàng tháng, quý.
- Chủ trì, phối hợp với các phòng chức năng trình lãnh đạo Công ty phê duyệt các hợp đồng dịch vụ liên quan đến công tác quản lý kho, thuê kho, bốc xếp hàng hóa.
- Chịu trách nhiệm về an toàn lao động, sức khỏe và môi trường tại bộ phận phụ trách

i) Trưởng phòng Kế hoạch - Thị trường

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, ngắn hạn.

- Xác định các yêu cầu của khách hàng, đầu mỗi xem xét các yêu cầu đối với sản phẩm.
- Thông tin liên lạc với khách hàng, tham gia tiếp nhận và xử lý các khiếu nại của khách hàng.
- Đánh giá sự thoả mãn của khách hàng.
- Làm thủ tục cần thiết để xuất, nhập khẩu hàng hoá theo yêu cầu của Công ty.
- Lập hợp đồng và theo dõi việc thực hiện hợp đồng.
- Tham gia xử lý khiếu nại của khách hàng và đánh giá sự thoả mãn của khách hàng.
- Tham gia kiểm soát sản phẩm do khách hàng cung cấp.
- Chịu trách nhiệm về an toàn, sức khỏe và môi trường tại bộ phận phụ trách

j) Trưởng phòng Kỹ thuật

- Xây dựng các quy trình công nghệ, các hướng dẫn kỹ thuật, các tiêu chuẩn kỹ thuật cho nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm (đối với sản phẩm do Công ty sản xuất).
- Triển khai áp dụng quy trình công nghệ, các tiêu chuẩn kỹ thuật, các hướng dẫn kỹ thuật cho nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm (đối với sản phẩm gia công của Công ty)
- Xác định định mức vật tư kỹ thuật cho sản phẩm.
- Theo dõi kiểm tra việc thực hiện quy trình công nghệ của các sản phẩm.
- Thiết lập lưu đồ sản xuất sản phẩm.
- Tiến hành kiểm tra thử nghiệm nguyên vật liệu mua vào, kiểm tra thành phẩm.
- Xử lý sản phẩm không phù hợp.
- Quản lý và điều phối các chương trình, dự án cải tiến chất lượng.
- Kiểm soát hành động khắc phục/phòng ngừa.
- Tham gia xử lý các khiếu nại của khách hàng.
- Tham gia kiểm soát sản phẩm do khách hàng cung cấp.
- Nghiên cứu sản phẩm mới.
- Theo dõi công tác vệ sinh thiết bị và môi trường cho quá trình sản xuất để đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật về vệ sinh.
- Chịu trách nhiệm về an toàn, sức khỏe, môi trường tại bộ phận phụ trách.
- Phụ trách an toàn Công ty
 - Quản lý toàn bộ thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn tại các phân xưởng.
 - Kiểm tra giám sát việc sử dụng và bảo quản các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.
 - Thực hiện kiểm định đúng theo yêu cầu của Nhà nước
 - Lưu giữ tất cả các hồ sơ có liên quan

k) Trưởng phòng Đầu tư, xây dựng

- Nghiên cứu tổ chức lập kế hoạch đầu tư dài hạn, trung hạn, ngắn hạn.
- Lập kế hoạch đầu tư và xây dựng cơ bản hàng năm.
- Thực hiện quản lý các dự án.
- Giám sát thi công và nghiệm thu công trình.
- Lập các hợp đồng kỹ thuật về xây dựng cơ bản.

l) Trưởng phòng Marketing và Bán hàng

- Tham mưu cho Giám đốc về định hướng chiến lược các hoạt động Marketing của Công ty CP Xà phòng Hà Nội
- Triển khai hoạt động Marketing cụ thể để phát triển tên tuổi và thương hiệu sản phẩm của Công ty
- Tham mưu cho Giám đốc về định hướng chiến lược các hoạt động tiêu thụ sản phẩm của Công ty CP Xà phòng Hà Nội
- Triển khai hoạt động tiêu thụ sản phẩm được sản xuất bởi Công ty
- Chủ trì, phối hợp với các phòng chức năng khác xây dựng chương trình kế hoạch sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ, gắn hoạt động Marketing với mục tiêu kinh doanh của Công ty

m) Quản đốc/Phó quản đốc phân xưởng sản xuất

- Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất.
- Kiểm soát và theo dõi các quá trình sản xuất.
- Quản lý các thiết bị, máy móc sản xuất phân xưởng đang sử dụng.
- Giám sát các kho lưu trữ hàng hóa của phân xưởng.
- Kiểm soát sản phẩm do khách hàng cung cấp.
- Giám sát thực hiện các quy trình sản xuất.
- Kiểm soát việc xử lý tiếp theo để bảo đảm loại trừ nguyên nhân gây ra sự không phù hợp.
- Chịu trách nhiệm về an toàn, sức khỏe và môi trường tại phân xưởng phụ trách.
- Riêng đối với quản đốc phân xưởng xà phòng phải chịu trách nhiệm:
 - Thực hành đúng yêu cầu của Hướng dẫn thực hành sản xuất tốt (GMP)
 - Lập kế hoạch, thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng sửa chữa, xử lý các sự cố thông thường về thiết bị của phân xưởng.
 - Ghi chép thông tin về tình hình sử dụng thiết bị của phân xưởng
 - Quản lý và lưu giữ hồ sơ máy móc thiết bị của phân xưởng.
- Riêng quản đốc phân xưởng Tẩy rửa có trách nhiệm:
 - Giao kế hoạch sản xuất và theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất.
 - Quản lý kho tàng và phương tiện vận chuyển trong xưởng, kho.

- Thực hiện kiểm kê, lưu giữ, bảo quản xuất nhập nguyên liệu vật tư.
- Làm thủ tục cần thiết để xuất sản phẩm.
- Tham gia kiểm soát sản phẩm do khách hàng cung cấp.

n) Quản đốc/Phó quản đốc phân xưởng cơ điện

- Xây dựng nội quy, quy trình, quy phạm, quy tắc kỹ thuật và hướng dẫn bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc thiết bị dùng trong sản xuất và kiểm tra đo lường thử nghiệm.
- Lập, xây dựng kế hoạch và theo dõi giám sát việc sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị định kỳ.
- Thực hiện kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên và định kỳ cho thiết bị (trừ phân xưởng Xà phòng)
- Ghi chép thông tin về tình hình sử dụng thiết bị của phân xưởng (trừ phân xưởng Xà phòng)
- Giải quyết sự cố máy móc thiết bị trong sản xuất. (Riêng đối với phân xưởng xà phòng chỉ giải quyết những sự cố máy móc mà phân xưởng không thực hiện được).
- Quản lý hồ sơ máy móc thiết bị của Công ty (trừ phân xưởng Xà phòng).
- Tham gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công nhân kỹ thuật.
- Kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở việc chấp hành quy trình, quy phạm, quy tắc kỹ thuật cho từng công nhân.
- Lập kế hoạch mua sắm vật tư, phụ tùng thay thế bảo dưỡng.
- Quản lý và kiểm soát các dịch vụ liên quan đến thiết bị.
- Gia công phụ tùng thay thế theo yêu cầu.
- Quản lý các máy móc thiết bị, công cụ, đồ nghề của phân xưởng.
- Quản lý và vận hành trạm nước, trạm khí nén và nồi hơi, xử lý nước Deion của Công ty.
- Quản lý, vận hành, sửa chữa trạm điện và các phần điện của thiết bị.
- Thực hiện các chương trình, hành động liên quan đến an toàn, sức khỏe, môi trường của Công ty
- Chịu trách nhiệm về an toàn sức khỏe và môi trường tại phân xưởng phụ trách.

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
 - o Khôi phục vị trí nhà sản xuất kinh doanh chất tẩy rửa hàng đầu trên thị trường Việt Nam, mở rộng ra khu vực và thế giới.
 - o Mang lại lợi nhuận cao cho cổ đông
 - o Xây dựng đội ngũ CBCNV có trình độ, tâm huyết với Công ty, tạo văn hóa doanh nghiệp lành mạnh hỗ trợ sản xuất kinh doanh.
 - o Nâng cao đời sống của CBCNV trong Công ty.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - o Xây dựng thương hiệu bền vững và thấm nhuần ý thức bảo vệ thương hiệu trong toàn thể CBCNV trong Công ty và các nhà thầu phụ của Công ty (Công ty cung ứng hàng hóa, đơn vị vận chuyển...)
 - o Nghiên cứu, phát triển sản phẩm riêng của Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội thỏa mãn thị trường mục tiêu.
 - o Củng cố mạng kinh doanh hóa chất với đối tác trong Tập đoàn Hóa chất Việt nam nói riêng và thị trường Việt Nam nói chung.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:
 - o Cam kết tuân thủ các nguyên tắc bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh.
 - o Góp phần tạo công ăn việc làm cho nhân dân địa phương khu vực đặt nhà máy nói riêng và cho xã hội nói chung.
 - o Tạo ra sản phẩm tốt cho xã hội, góp phần xây dựng thương hiệu hàng Việt nam chất lượng cao.
 - o Nộp ngân sách đầy đủ, tham gia phát triển cộng đồng địa phương và xã hội.

6. Các rủi ro:

- Rủi ro tín dụng: Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.
- Rủi ro thanh khoản: Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro có thể xảy ra khi không kịp thu hồi các khoản phải thu để hoàn trả các khoản vay ngắn hạn đến hạn trả. Tuy nhiên, công ty hiện đang bán hàng chủ yếu cho đối tác Công ty TNHH Quốc tế Unilever VN (Unilever VN), một đơn vị có kỷ luật thanh toán tốt, dẫn đến luồng tiền của Công ty ổn định nên rủi ro thanh khoản rất thấp.
- Rủi ro mua hàng: Rủi ro mua hàng là rủi ro khi hàng hóa công ty mua về không được đối tác giao đúng như hợp đồng đã ký kết hoặc giao hàng chậm tiến độ. Công ty đã hạn chế rủi ro bằng cách ký kết hợp đồng chi tiết, đưa các yêu cầu kiểm soát chất lượng, thời hạn giao hàng cụ thể vào hợp đồng.
- Rủi ro vận tải: Rủi ro vận tải là rủi ro trong quá trình vận chuyển hàng hóa từ cảng bên bán về đến cảng bên mua, từ cảng về kho công ty, từ kho công ty đến kho khách hàng. Công ty hạn chế rủi ro bằng cách mua bảo hiểm hàng nhập cho vận tải đường biển, quy trách nhiệm cho các đơn vị vận tải trong quá trình vận chuyển hàng về kho và giao đi cho khách hàng. Rủi ro vận tải cũng đến từ khả năng tăng đột biến giá xăng dầu hoặc thay đổi chính sách nhà nước làm

tăng đột biến giá cước vận tải trong khi chưa thương lượng được với người mua hàng đầu ra về việc tăng cước vận tải tương ứng.

- **Rủi ro biến đổi chất lượng hàng hóa:** Rủi ro biến đổi chất lượng hàng hóa là rủi ro khi hàng hóa do tích chất hóa lý tự nhiên (hóa chất cơ bản như muối sulphate) trong quá trình lưu kho bị biến đổi chất lượng do hút ẩm, do điều kiện bảo quản không tốt. Công ty đã hạn chế rủi ro bằng cách quy định FIFO, hàng nhập trước giao trước, giao thẳng, hạn chế hàng tồn kho.
- **Rủi ro đối tác:** Rủi ro đối tác là rủi ro do công ty bán hàng hóa và gia công chủ yếu cho một đối tác là Unilever VN, khi có sự thay đổi của Unilever VN sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.
- **Rủi ro thị trường:** Rủi ro thị trường là rủi ro do thị trường chất tẩy rửa cạnh tranh rất mạnh giữa các công ty đa quốc gia như Unilever VN, P&G... cũng như các doanh nghiệp trong nước, khôi phục vị trí hàng đầu trong ngành chất tẩy rửa có thể thất bại nếu không xác định được phân khúc thị trường phù hợp, triển khai không nhất quán, đội ngũ CBCNV không xây dựng được thương hiệu tin cậy với khách hàng.
- **Rủi ro đầu tư vào công ty liên kết:** Rủi ro đầu tư vào công ty liên kết là rủi ro khi khoản đầu tư vào Công ty CP Bất động sản Xavinco không đem lại lợi nhuận hoặc thua lỗ làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

– Được nêu chi tiết trong mục III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành nắm giữ cổ phần đến ngày 14/3/2016:

S T T	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại Cty (nếu có)	Số CMND/ ĐKKD	Ngày cấp CMND/ ĐKKD	Nơi cấp CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Trương Văn Minh	Gám đốc	011361822	6/11/2009	HA NOI	29 Ngõ 61 Đường Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội	16083	0.124%	
2	Lê Diệu Thúy	Phó giám đốc	011497289	9/15/2005	HA NOI	Số 185 đường Nguyễn Trãi, Q.Thanh Xuân, Hà Nội	12150	0.094%	
3	Lê Hải Sơn	UV HĐQT/ KTT	012647502	10/9/2003	HA NOI	Xóm 1, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội	1386	0.011%	
4	Lê Hồng Sơn	UV HĐQT/ Tp.TCHC	011069137	7/20/2006	HA NOI	Số 185, Đường Nguyễn Trãi, Q.Thanh Xuân, Hà Nội	88	0.001%	

GIỚI THIỆU VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2013-2017: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Chủ tịch HĐQT : PHẠM VĂN CHƯƠNG (Ngày 31/12/2015 ông Nguyễn Văn Thiệu đã thay thế ông Phạm Văn Chương ở vị trí này)

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 18.6.1962

Nơi sinh : Hà Đông Hà Nội

Số CMND : 111351128

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Quang Trung, Phú Xuyên, Hà Nội

Địa chỉ thường trú : TT5 C6 , Khu đô thị Văn Quán -Yên phúc Hà Đông, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan : (84 – 4) 38266205

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế

Quá trình công tác :

+ Từ 11/1984 đến 02/1996: Kỹ sư, Công ty Qua hàn điện Việt Đức Thường tín Hà Tây(Hà Nội)

+ Từ 03/1996 đến 10/1998 : Chuyên viên Phòng Quản lý Tòa án Sơ tư pháp Hà Tây (Hà Nội)

+ Từ 11/1998 đến nay : Chuyên viên, Chuyên viên chính, Phó Ban Tổ chức Nhân sự Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Chức vụ hiện tại : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Xà phòng Hà Nội

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Phát triển phụ gia và sản phẩm Dầu mỏ;

+ Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền;

+ Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Que hàn điện Việt Đức;

+ Ủy viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam

Số lượng cổ phần nắm giữ

+ Sở hữu cá nhân : 00 cổ phần.

+ Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 3.891.744cổ phần.

(Ba triệu tám trăm chín một nghìn bảy trăm bốn bốn cổ phần)

+ Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần.

Các khoản nợ đối với Công ty : không

Lợi ích liên quan với Công ty : không

2.Ủy viên/Giám đốc : Trương Văn Minh

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 03-12-1958

Nơi sinh : Hà nội

Số CMND : 011361822

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Xã Thắng Lợi – Huyện Thường Tín – Hà Nội (Hà tây cũ)

Địa chỉ thường trú : Số 29 Ngõ 61 Phố Thái Thịnh – Phường Thịnh Quang – Quận Đống Đa – Tp Hà Nội

Điện thoại cơ quan : (84 – 4) 38587051

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư

Quá trình công tác :

- + Từ nhỏ đến 1976: Học phổ thông
- + Từ 1976 đến 1982 : Bộ đội tại ngũ
- + Từ 1982 đến 1995 : Nhà máy Xà phòng Hà Nội
- + Từ 1995 đến 2005 : Công ty Liên doanh Unilever – Việt Nam
- + Từ 2005 đến nay: Công ty CP Xà phòng Hà Nội

Chức vụ hiện tại : Giám đốc/Ủy viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco

Số lượng cổ phần nắm giữ

- + Sở hữu cá nhân : 16.083 cổ phần.
- + Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 3.243.118 cổ phần.
- + Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần.

Các khoản nợ đối với Công ty : 0

Lợi ích liên quan với Công ty : 0

3. Ủy viên /Kế toán trưởng : Lê Hải Sơn

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 09/10/1973

Nơi sinh : Thị xã Lào Cai

Số CMND : 012647502

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Thanh Lâm, Lục Nam, Bắc Giang

Địa chỉ thường trú : Tập thể Liên đoàn Địa chất Quốc Tế, Xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan : (84 – 4) 38587051

Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản lý tài chính/Thạc sỹ Marketing, Bán hàng và Dịch vụ

Quá trình công tác :

- Từ 1993 đến 1994: Nhân viên bán hàng, Công ty TNHH Á đông, Hà nội
- Từ 1995 đến 2003: Kế toán tại Công ty Xà phòng Hà Nội
- Từ 2003 đến 2004: Giám đốc Công ty CP Tư vấn Dịch vụ và phát triển Công nghệ (CSC)
- Từ 2005 đến nay: Trưởng phòng Tài chính-Kế toán/Kế toán trưởng/Thành viên HĐQT, Công ty CP Xà phòng Hà Nội
- Từ 2013 đến nay: Chủ tịch Công đoàn Công ty

Chức vụ hiện tại: Trưởng phòng Tài chính-Kế toán/Kế toán trưởng/Thành viên HĐQT/
Chủ tịch Công đoàn Công ty

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch hội đồng thành viên Công ty
TNHH Thể thao Kendo Việt Nam

Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.386 cổ phần

- + Sở hữu cá nhân : 1.386 cổ phần.
- + Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : ... cổ phần.
- + Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ: ... cổ phần.

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan với Công ty : Không

4. Ủy viên /Tp Tổ chức Hành chính : Lê Hồng Sơn

Giới tính : Nam
Ngày sinh : 23-01-1963
Nơi sinh : Hà nội
Số CMND : 011069137
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Quê quán : Hoàng lộc, Hoàng hóa, Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú : Số 185 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Tp Hà Nội
Điện thoại cơ quan : (84 – 4) 38587051
Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư
Quá trình công tác :
+ Từ nhỏ đến 1981 : Học phổ thông
+ Từ 1982 đến 1985 : Bộ đội tại ngũ
+ Từ 1985 đến 1990 : Nhà máy Xà phòng Hà Nội
+ Từ 1990 đến nay : Công ty CP Xà phòng Hà Nội
Chức vụ hiện tại : Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính/Ủy viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
Ủy viên BKS Công ty Cổ phần bất động sản Xavinco
Số lượng cổ phần nắm giữ
+ Sở hữu cá nhân : 88 cổ phần.
+ Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 3.243.118 cổ phần.
+ Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : 12.150 cổ phần.
Các khoản nợ đối với Công ty : 0
Lợi ích liên quan với Công ty : 0

5. Ủy viên /Tp Kỹ thuật : Đào Nguyên Du
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 15-10-1973
Nơi sinh : Hải phòng
Số CMND : 013306574
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Quê quán : Xã Hùng Tiến – Huyện Vĩnh Bảo – Thành phố Hải phòng
Địa chỉ thường trú : Số nhà 18 ngõ 180 Nguyễn Lương Bằng – Phường Quang Trung - Quận Đống Đa – Tp Hà Nội
Điện thoại cơ quan : (84 – 4) 38587051
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân
Quá trình công tác :
+ Từ nhỏ đến 1990 : Học phổ thông
+ Từ 1991 đến 1996 : Học Đại Học
+ Từ 1996 đến 2002 : Công ty Xuân Hòa – Mê Linh – Vĩnh Phúc

+ Từ 2002 đến 2004 : Công ty Liên doanh Unilever – Việt Nam

+ Từ 2004 đến nay: Công ty CP Xà phòng Hà Nội

Chức vụ hiện tại : Trưởng phòng Kỹ thuật/Ủy viên Hội đồng quản trị

Số lượng cổ phần nắm giữ

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.

+ Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần.

+ Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần.

Các khoản nợ đối với Công ty : 0

Lợi ích liên quan với Công ty : 0

BAN KIỂM SOÁT

1.Trưởng ban : Nguyễn Thị Vân Hoa

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 29/4/1974

Nơi sinh : Nam Định

Số CMND : 012394339

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Nam Định

Địa chỉ thường trú : Nhà số 5 ngách 96 ngõ 640 Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên, TP Hà Nội.

Điện thoại cơ quan : (84 – 4) 3933 22 67

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác :

+ Từ tháng 11/1997 đến tháng 11/2010: Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

+ Từ tháng 12/2010 đến 12/2013: Phó phòng Kế toán – Ban Tài chính Kế toán, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

+ Từ tháng 1/2014 đến nay : Phó Ban Kiểm soát nội bộ, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Chức vụ hiện tại : Trưởng Ban Kiểm soát, Công ty cổ phần Xà phòng Hà Nội.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Trưởng Ban Kiểm soát, Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng.

- Trưởng Ban Kiểm soát, Công ty cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao.

Số lượng cổ phần nắm giữ

- + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần.
- + Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 0 cổ phần.
- + Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : 0 cổ phần.

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan với Công ty : Không

2. Ủy viên BKS : Đỗ Thúy Ngọc

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 22-03-1962

Nơi sinh : Hà nội

Số CMND : 010241261

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Giao nhân ,Giao hải ,Nam Định

Địa chỉ thường trú : Số 18 BT1 Mễ trì Hạ, Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội

Điện thoại cơ quan : (84 – 4) 38587051

Trình độ văn hóa : Thạc sỹ quản trị kinh doanh.

Trình độ chuyên môn : Kế toán

Quá trình công tác :

- + Từ nhỏ đến 1978 : Học phổ thông
- + Từ 1979 đến 1982 : Trường sĩ quan tài chính.
- + Từ 1982 đến 1984 : Trường hậu cần Bộ đội biên phòng.
- + Từ 1984 đến 1987 : Bộ tư lệnh bộ đội biên phòng.
- + Từ 1987 đến 1993 : A23 Bộ nội vụ.
- + Từ 1993 đến 1995 : Công ty bao bì xuất khẩu
- + Từ 1995 đến 1997 : Công ty TST- Tổng cục 2 Bộ quốc phòng.
- + Từ 1997 đến nay : Công ty CP Xà phòng Hà Nội

Chức vụ hiện tại : Trưởng phòng KHTT/Ủy viên ban kiểm soát.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ: 2000 cổ phần

- + Sở hữu cá nhân : 2000 cổ phần.

Các khoản nợ đối với Công ty : 0

Lợi ích liên quan với Công ty : 0

3. Ủy viên BKS : Lê Quang Tín

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 02/02/1963

Nơi sinh : Hưng Yên

Số CMND : 011850535

Dân tộc : Kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Xã Mai động, Kim Động, Hưng Yên

Địa chỉ thường trú : Số 43, ngõ 26 dốc Tam đa, Thụy Khuê, Tây Hồ

Điện thoại cơ quan :

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện

Quá trình công tác :

+ Từ 1989 đến 2010: Công ty Thực phẩm Miền Bắc

Phó giám đốc Khách sạn Hà Nội-Việt Trì –Trực thuộc Công ty Thực phẩm Miền Bắc.

+ Từ 2010 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH An Phúc

Chức vụ hiện tại : Thành viên BKS Công ty CP Xà phòng Hà Nội

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH An Phúc

Số lượng cổ phần nắm giữ : 2000 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 2000 cổ phần.

+ Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : ... cổ phần.

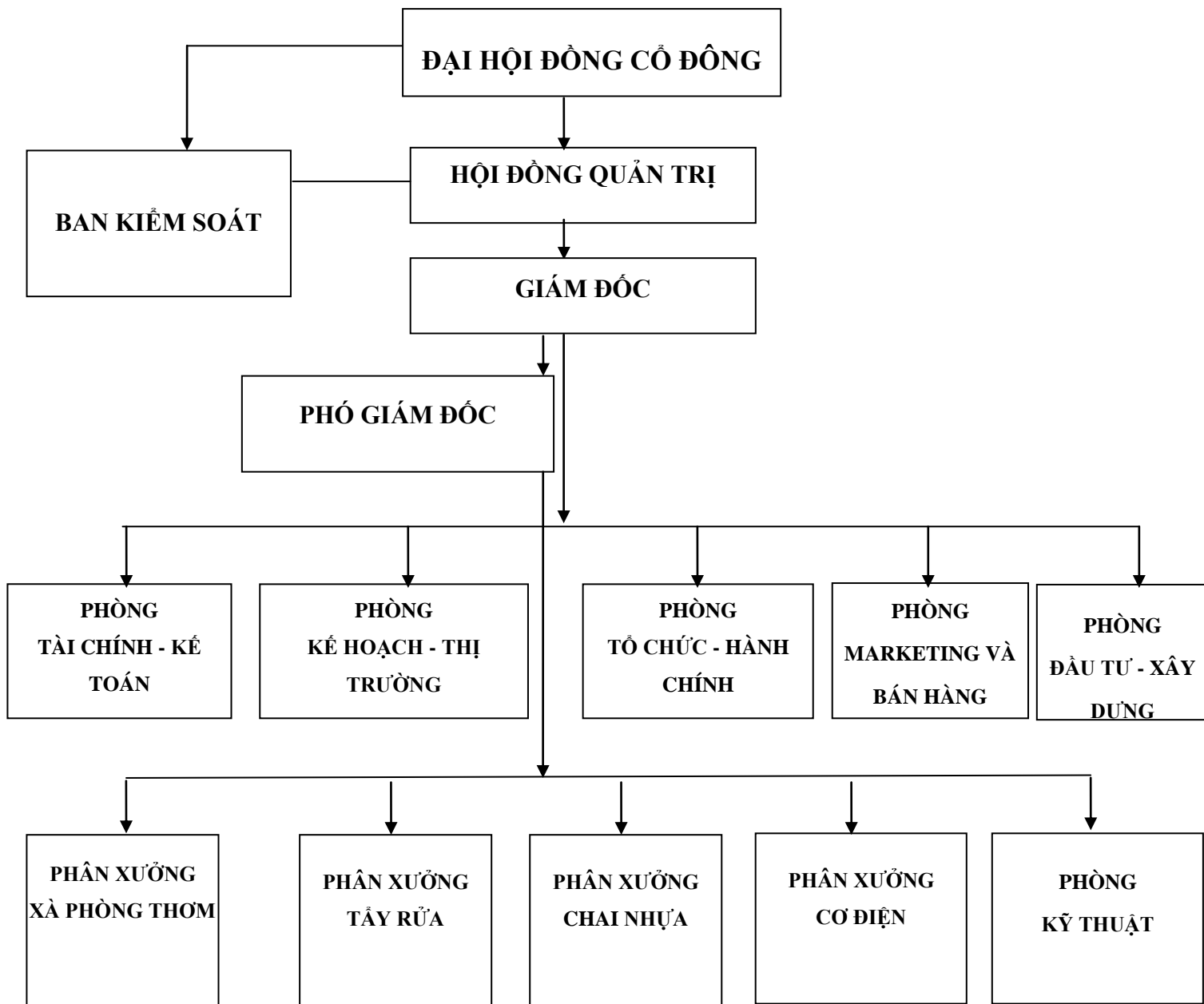
+ Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : ... cổ phần.

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan với Công ty : Không

– Số lượng cán bộ, nhân viên: 165 người

– Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động: người lao động được đảm bảo quyền lợi hợp pháp, lao động trong điều kiện an toàn, có cơ chế để người lao động đóng góp ý kiến cải thiện điều kiện lao động, chế độ đãi ngộ. Chính sách với người lao động chưa có sự thay đổi.



3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: Đầu tư vào
 - o Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco.
 - o Địa chỉ: 191 Bà Triệu, Hà nội
 - o Kinh doanh bất động sản
 - o Số tiền góp 71,25 tỷ đồng.
 - o Chiếm tỉ lệ 3,56%
 - o Vốn điều lệ thực góp của Xavinco: 2.000 tỷ đồng

Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco có vốn điều lệ 2.000 tỷ đồng, trong đó: Công ty CP Xà phòng Hà Nội góp 71,25 tỷ đồng tương đương gần 3,56%, số vốn điều lệ còn lại do Vingroup nắm giữ. Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco theo hợp đồng hợp tác đầu tư sẽ khai thác diện tích đất tại địa chỉ 233 và 233B Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, diện tích đất này hiện đứng tên Công ty Cổ phần Xà phòng Hà nội, tuy nhiên, phần lớn các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng hợp tác đầu tư đã được chuyển giao cho Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco, đến thời điểm 31/12/2015, Công ty Cổ phần BĐS Xavinco vẫn đang trong giai đoạn đầu tư XD/CB nên Ban Giám đốc nhận định việc trình bày và ghi nhận theo giá gốc giá trị khoản đầu tư vẫn là 71,25 tỷ.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Cơ cấu tài chính chung

Tài sản	Số tiền (tỷ đồng)	Tỉ lệ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	60.9	28%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	153.3	72%
Cộng	214.2	100%

Nguồn vốn	Số tiền (tỷ đồng)	Tỉ lệ
A. NỢ PHẢI TRẢ	4.7	2%
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	209.5	98%
Cộng	214.2	100%

- Cơ cấu tài sản nhìn chung phù hợp với đơn vị sản xuất , tuy hơi thiên lệch về tài sản dài hạn với tỷ trọng 72%. Tuy nhiên ở đây có ảnh hưởng bởi yếu tố khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco với tỷ lệ 33,2% tương đương 71,25 tỉ đồng, khoản đầu tư hiện nay chưa được chia lãi, chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu tài sản.
- Cơ cấu nguồn vốn thể hiện sự tự chủ cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh, với 98% được tài trợ bằng nguồn vốn chủ sở hữu.

- Bên cạnh đó bổ sung thêm bằng chỉ tiêu vòng quay vốn chủ sở hữu = Doanh thu/Vốn chủ sở hữu = 56.5 tỷ / 214.2 = 0,26 và tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu âm cho thấy tiềm năng vốn chủ sở hữu cao, tuy nhiên chưa được phát huy, hiệu quả sử dụng vốn thấp.

b/Phân tích một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Số TT	Chỉ số tài chính	Công thức tính	Mã số	Đvt	Giá trị
1	Tỷ số khả năng thanh toán hiện hành	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	100	Lần	12.85
2	Tỷ số khả năng thanh toán nhanh	(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	101	Lần	12.17
3	Tỷ số khả năng thanh toán bằng tiền	(Tiền và các khoản tương đương tiền + Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn) / Nợ ngắn hạn	102	Lần	9.55
4	Bình quân các khoản phải thu	(Phải thu đầu kỳ + Phải thu cuối kỳ)/2	103	tỷ	19.99
5	Vòng quay các khoản phải thu	Doanh thu/Bình quân các khoản phải thu	104	Vòng	2.83
6	Kỳ thu tiền bình quân	365/Vòng quay các khoản phải thu	105	Ngày	129.14
7	Bình quân hàng tồn kho	(Hàng tồn kho đầu kỳ + Hàng tồn kho cuối kỳ)/2	106	Tỷ	13.85
8	Vòng quay hàng tồn kho	Giá vốn hàng bán/Bình quân hàng tồn kho	107	Vòng	3.54
9	Thời gian luân chuyển hàng tồn kho bình quân	365/Vòng quay hàng tồn kho	108	Ngày	103.25
10	Bình quân các khoản phải trả	(Phải trả đầu kỳ + Phải trả cuối kỳ)/2	109	Tỷ	5.22
11	Vòng quay các khoản phải trả	Trị giá hàng mua chịu/Bình quân các khoản phải trả	110	Vòng	9.39
12	Thời gian trả tiền bình quân	365/Vòng quay các khoản phải trả	111	Ngày	38.89

- Chỉ số thanh toán hiện hành, nhanh, bằng tiền cho thấy chúng ta tự chủ về tài chính với chỉ số đều cao so với các đơn vị cùng ngành, tuy nhiên đây lại thể hiện sự ứ đọng vốn, hiệu quả sử dụng vốn không cao, dẫn đến sản xuất kinh doanh lỗ.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu theo danh sách chốt cổ đông ngày 14/3/2016:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần:

12,972,475

- Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	12,972,475
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng:	Không
b) Cơ cấu cổ đông:	
- Phân theo tỷ lệ sở hữu:	
+ Cổ đông lớn:	80,00%
+ Cổ đông nhỏ:	20,00%
- Phân theo tổ chức và cá nhân	
+ Cổ đông tổ chức:	80,77%
+ Cổ đông cá nhân:	19,23%
- Cổ đông trong nước và nước ngoài	
+ Cổ đông trong nước:	100%
- Cổ đông nhà nước và cổ đông khác	
+ Cổ đông nhà nước:	80,00%
+ Cổ đông khác:	20,00%
c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:	Không
d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:	Không
e) Các chứng khoán khác:	Không
f) Số lượng cổ đông theo danh sách 14/3/2016:	399 cổ đông

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

PHẦN 1:

BÁO CÁO TỔNG KẾT CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

1. Đặc điểm của Công ty năm 2015:

Năm 2015 là năm vẫn còn nhiều khó khăn ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu và kinh tế Việt Nam do đó cũng ảnh hưởng không nhỏ tới các doanh nghiệp sản xuất trong nước và hoạt động SXKD tại Công ty. Đặc biệt do hợp đồng gia công giữa Công ty và Unilever hết hạn, nên gần như nửa đầu năm 2015, công tác sản xuất bị ngưng trệ.

Song với sự cố gắng nỗ lực của toàn thể CBCNV công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội, đồng thời được sự chỉ đạo kịp thời của Tập đoàn Hóa chất Việt nam và sự giúp đỡ của các cơ quan liên quan, Công ty đã kết thúc nhiệm vụ SXKD năm 2015 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

2. Kết quả SXKD năm 2015:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch giao năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ
1	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	14,680	12,566	85,9%
2	GT SXCN theo giá thực tế	Tỷ đồng	20,846	18,03	86,5%
3	Doanh thu	Tỷ đồng	143,161	56,51	39,5%
4	Lợi nhuận phát sinh	Tỷ đồng	2.032	- 9,024 tỷ	
5	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	1150	1.250 triệu	108,7%
6	Thu nhập bình quân đầu người	VNĐ/người/tháng	3.176.000đ	3.736.000 đ	117,6%

3. Nhận xét đánh giá tình hình SXKD năm 2015:

3.1. Công tác kỹ thuật sản xuất:

** Công tác sản xuất sản phẩm gia công*

Đây là năm thứ tư công ty đã sản xuất kinh doanh tại địa điểm mới. Tuy nhiên do bị gián đoạn về hợp đồng gia công giữa Công ty và Unilever, nên gần như nửa đầu năm 2015, không có sản lượng gia công, đến tháng 6/2015 công ty mới quay trở lại gia công cho Unilever, tuy nhiên sản lượng Unilever giao cũng chưa đáp ứng được công suất của thiết bị, thời điểm cao nhất cũng chỉ đạt 95% công suất.

* Công tác sản xuất sản phẩm của công ty

Sau năm 2014 chạy đà, đến năm 2015 sản phẩm nước giặt AVO và nước rửa bát Shiny đã và đang được thị trường chấp nhận. Tuy nhiên, do Công ty mới làm lại thương hiệu nên số lượng tiêu thụ chưa được cao.

* Công tác gia công cho đối tác khác

Song song với việc gia công cho Unilever, Công ty cũng gia công thêm cho một số đối tác khác. Hiện tại các đối tác này đang triển khai các sản phẩm, qui mô của họ không lớn bằng Unilever nên sản lượng của họ cũng chưa được nhiều.

* Công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm

Về việc kiểm tra chất lượng các nguyên liệu và thành phẩm luôn đảm bảo đúng kế hoạch tiến độ đề ra, đạt 100%.

Duy trì việc giám sát tiêu hao năng lượng, nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất theo đúng định mức đã được phê duyệt.

Tiến hành đánh giá chất lượng nội bộ theo đúng kế hoạch. Công ty đã thuê đơn vị đánh giá INTETEK đánh giá hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 22716 vào tháng 3/2015 và đã đạt chứng nhận phù hợp.

Thực hiện việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trên dây chuyền cho các phân xưởng và đào tạo vệ sinh, an toàn hóa chất cho toàn thể CBCNV trong tháng 10/2015.

Thực hiện đào tạo các kỹ năng phân tích sản phẩm cho các thợ khuấy trộn trên dây chuyền Sunlight, Vim, Xà phòng bánh.

Thực hiện việc kiểm soát số lô nguyên liệu chính xác, đảm bảo tất cả các lô nguyên liệu dùng trong sản xuất được ghi chép, giúp cho việc truy vết sản phẩm dễ dàng.

Trong quá trình sản xuất còn kiểm tra vi sinh môi trường sản xuất cũng như mức độ nhiễm vi sinh trong sản phẩm để đảm bảo tuân thủ sản phẩm sản xuất ra đảm bảo an toàn về vệ sinh, đảm bảo là sản phẩm an toàn cho người tiêu dùng.

* Công tác bảo dưỡng sửa chữa:

Hiện tại tất cả các máy móc thiết bị đang hoạt động ổn định, việc tiến hành kiểm tra bảo dưỡng, hiệu chỉnh định kỳ được tuân thủ theo đúng kế hoạch.

* Công tác quản lý hệ thống chất lượng:

Công ty vẫn vận hành và duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng ISO 22716 đồng thời cũng thực hiện một chương trình giám sát theo yêu cầu của Unilever đó là BRC của hiệp hội bán lẻ hàng tiêu dùng của Anh. Cùng với đó là việc tham gia đánh giá chứng nhận chương trình RS & SQA.

Khởi trực tiếp sản xuất thực hiện chương trình 5S, chương trình HACCP, đảm bảo, duy trì công tác vệ sinh nhà xưởng, tăng cường công tác kiểm tra và giám sát chất lượng sản phẩm. Nhờ đó không có sản phẩm sản xuất ra mắc lỗi nhiễm vi sinh, không có sản phẩm nào bị khách hàng trả lại và bị hủy bỏ do không đảm bảo chất lượng và an toàn cho người tiêu dùng.

3.2. Công tác tài chính – kế toán:

- Về công tác tài chính:

+ Cân đối các nguồn vốn, ngoại tệ kịp thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Sử dụng hợp lý các nguồn vốn, đảm bảo tăng doanh thu tài chính, giảm chi phí lãi vay ngân hàng của Công ty.

+ Tích cực đàm phán với các Ngân hàng trong từng giai đoạn để có mức lãi suất vay vốn thấp nhất của Công ty.

+ Tổ chức thu hồi các khoản nợ phải thu của Công ty để phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Về công tác kế toán:

+ Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kiểm soát, nâng cao hiệu quả quản trị trong Công ty.

+ Tổ chức tốt việc đào tạo, cập nhật thông tin kế toán mới cho CBCNV trong phòng.

3.3. Công tác tổ chức, cán bộ:

*** Công tác giữ gìn an ninh trật tự:**

Đảm bảo an toàn về tài sản, phương tiện của cán bộ CNV, không có vụ gây rối mất trật tự nào xảy ra trong công ty. Thực hiện tốt các quy định về công tác quân sự địa phương, tăng cường kiểm tra, kiểm soát đối với mục tiêu bảo vệ đã được phân công. Phối hợp với bảo vệ khu công nghiệp giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn.

*** Công tác đào tạo:**

Đã tiến hành các khóa đào tạo về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp định kỳ hàng năm, tiến hành các khóa đào tạo nâng cao kiến thức trong sản xuất như: các khóa học về phân tích các yếu tố rủi ro trong công việc cho công nhân phân xưởng; an toàn & vận hành các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

*** Công tác đổi mới, sắp xếp nhân sự**

Đáp ứng đầy đủ nhân lực cho các xưởng sản xuất khi sản lượng gia công tăng cao. Thường xuyên tiến hành tuyển dụng lao động thời vụ để hỗ trợ sản xuất. Điều chuyển sắp xếp lao động trong các phân xưởng hợp lý, kịp thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn ổn định.

3.4. Công tác kinh doanh và phát triển sản phẩm mới

Công ty đã hoàn thiện và triển khai tiêu thụ 2 dòng sản phẩm chính là nước giặt AVO và nước rửa bát SHINY. Cuối năm 2015, Công ty hoàn thiện 2 dòng sản phẩm Xà phòng bánh tắm và bánh bảo hộ mang thương hiệu AVO.

Năm 2015 đánh dấu việc mở rộng thị trường với việc ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với các NPP ở các tỉnh thành như: Nam Định, Sơn La, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai, Bắc Ninh. Các hệ thống Siêu thị: Vinmart, Thành Đô, Dabaco Bắc Ninh. Tuy nhiên là năm đánh dấu việc triển khai thâm nhập thị trường và vì thương hiệu sản phẩm còn mới nên số lượng tiêu thụ và doanh thu đạt ở mức hạn chế.

*** Một số việc đạt được năm 2015:**

1. Hoàn thiện và nâng cấp chất lượng sản phẩm phù hợp và cạnh tranh với các sản phẩm khác trên thị trường tiêu dùng qua việc Công ty tự triển khai sản xuất và quản lý chất lượng can 4kg, can 1,5kg, can 3,5kg, can 2kg.
2. Ký hợp đồng phân phối và triển khai thị trường đến khách hàng hầu hết các tỉnh khu vực Tây Bắc.

3. Ký hợp đồng với hệ thống Siêu thị Vinmart, Dabaco Bắc Ninh và Thành Đô. Triển khai tiêu thụ sản phẩm năm 2015 trong các hệ thống Siêu thị đã đánh dấu việc sản phẩm trực tiếp đến tay người tiêu dùng và có phản ứng tích cực.
4. Ký hợp đồng hệ thống tiêu thụ sản phẩm online.
5. Tham gia thực hiện bán hàng tại các hội chợ như: hội chợ Giảng võ, hội chợ các quận huyện tại Hà Nội theo chương trình bán hàng của Sở Công Thương, hội chợ các tỉnh thành trên khu vực đã ký kết với NPP.

3.5. Công tác sản xuất tại các phân xưởng:

*** Phân xưởng Xà phòng thơm:**

Phân xưởng sản xuất được 2.640 tấn sản phẩm Lifebouy, không xảy ra sự cố mất an toàn lao động nguy hại tới sức khỏe của người lao động. Các chỉ tiêu điện, nước cho sản xuất thực hiện theo đúng định mức không có sản phẩm bị loại bỏ phải hồi công.

*** Phân xưởng cơ điện:**

Trong năm 2015, Unilever lắp đặt thêm 01 dây chuyền sản xuất NRC 5 tấn, dây chuyền này đã được đưa vào vận hành, tuy nhiên vẫn còn một số lỗi kỹ thuật cần phải hiệu chỉnh để đảm bảo dây chuyền hoạt động tốt.

Nhìn chung toàn bộ thiết bị trong Công ty đang hoạt động ở tình trạng ổn định. Các hệ thống thiết bị được bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ theo kế hoạch đáp ứng nhu cầu sản xuất được ổn định.

*** Phân xưởng chất tẩy rửa:**

Phân xưởng sản xuất được 8.232 tấn Sunlight và 4.359 tấn Sunlight Vim đều đạt chất lượng và đảm bảo các định mức tiêu hao về điện, nước, dầu theo quy định. Bố trí hợp lý kế hoạch sản xuất để tiết kiệm tối đa chi phí, giám sát chặt chẽ công tác an toàn hóa chất và bảo vệ môi trường. Luôn cập nhật thông tin kịp thời về vấn đề giao nhận hàng hóa, thay đổi kế hoạch sản xuất để đặt hàng và giao hàng kịp thời chính xác. Duy trì thực hiện, kiểm tra cải tiến 5S, VCS thường xuyên ở các kho và phân xưởng sản xuất.

*** Phân xưởng chai nhựa:**

Do chưa có kế hoạch sản xuất sản phẩm Omo của Unilever nên trong năm 2015 phân xưởng chai nhựa chỉ sản xuất các sản phẩm cho công ty mang thương hiệu XPH theo kế hoạch của phòng bán hàng. Tổng sản lượng sản xuất trong năm đạt 52.855 sản phẩm.

3.6. Công tác đầu tư xây dựng:

- Trong năm Công ty đã thực hiện được một dự án mua 02 xe nâng phục vụ cho công việc nhập xuất hàng hóa.

- Dự án Xây dựng văn phòng làm việc và cửa hàng giới thiệu sản phẩm tại 314-316-318 Nguyễn Trãi: Công ty đã triển khai làm việc với UBND quận Thanh Xuân về việc xin cấp phép xây dựng, nhưng sau do thay đổi thủ tục của UBND thành phố Hà Nội, việc cấp phép xây dựng sẽ do Sở xây dựng thành phố cấp, nên năm 2015 chưa triển khai được dự án này.
- Dự án Xây dựng kho bán mái 1000m² tại lô CN3.2 KCN Thạch Thất – Quốc Oai, Hà Nội: do việc lắp đặt dây chuyền của Unilever Việt Nam để tăng công suất sản xuất sản phẩm lỏng lên hơn 1100 tấn/tuần thực hiện giữa tháng 11/2015 và dự kiến sang tháng 1/2016 mới sản xuất với công suất tối đa nên việc xây kho tạm sẽ triển khai trong năm 2016.
- Tham gia cùng với Ban dự án của Unilever Việt Nam trong dự án lắp đặt dây chuyền 502 của UVN chuyển từ Lix về lắp ở Haso.
- Dự án đầu tư cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước Clo: tham gia tính toán thỏa thuận mức chi phí đầu tư với đối tác Unilever Việt Nam, thực hiện các thủ tục phê duyệt dự án, lập hồ sơ yêu cầu chào giá, tham gia thương thảo và ký hợp đồng, theo dõi thi công nghiệm thu và làm thủ tục thanh quyết toán hợp đồng.
- Công việc chuyển đổi 2 máy trộn ở xưởng xà phòng bánh: thực hiện các thủ tục phê duyệt dự án, lập hồ sơ yêu cầu chào giá, tham gia thương thảo và ký hợp đồng, theo dõi thi công nghiệm thu và làm thủ tục thanh quyết toán hợp đồng.
- Duy trì công việc chăm sóc bảo trì cây xanh trồng trong khuôn viên.

3.7. Công tác an toàn BHLĐ, vệ sinh môi trường, PCCC:

* Công tác an toàn bảo hộ lao động

- Công ty trang bị đầy đủ và phù hợp bảo hộ lao động cho người lao động tại các vị trí làm việc, định kỳ hàng tháng Ban Bảo hộ lao động tiến hành kiểm tra việc tuân thủ mang bảo hộ lao động, vệ sinh lao động trong toàn công ty nhắc nhở ngay các điểm không phù hợp tại các phân xưởng sản xuất.
- Tất cả các CB CNV trong Công ty đều được kiểm tra sức khỏe định kỳ. Kết quả kiểm tra không có trường hợp lao động bị chuyển vị trí công tác do không đủ sức khỏe.
- Tiến hành kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động 100% theo đúng kế hoạch và tuân thủ các yêu cầu của Nhà nước trong việc sử dụng, quản lý các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. Công nhân vận hành các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được đào tạo và cấp chứng chỉ 100%.

- Thực hiện tốt việc giám sát, kiểm tra và các biện pháp an toàn trong lao động sản xuất.
- Công ty đã thực hiện nhiều chương trình đào tạo lại cho CBCNV về an toàn môi trường lao động, PCCC và vệ sinh môi trường. Định kỳ đào tạo nhắc lại cho toàn bộ công nhân và công nhân thời vụ ngắn hạn về an toàn lao động, an toàn PCCC, an toàn hóa chất...

* Công tác PCCC

Công ty đã phối hợp với Công an khu vực tổ chức diễn tập các phương án PCCC, nhân viên thuộc đội PCCC cũng được tập huấn và thực tập hàng năm. Kiểm tra định kỳ thường xuyên một tháng một lần nhằm khắc phục những thiếu sót. Toàn bộ hệ thống PCCC được các đơn vị bên ngoài kiểm tra bảo dưỡng, bảo trì định kỳ thường xuyên.

* Công tác môi trường

Công ty duy trì tốt hệ thống xử lý nước thải đảm bảo nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất thải ra được thu gom và xử lý triệt để 100%. Chất lượng nước đầu ra đảm bảo các chỉ tiêu xả thải vào hệ thống xử lý của khu công nghiệp.

Hàng năm công ty thuê đơn vị có chức năng bên ngoài vào giám sát môi trường lao động, khí thải nước thải theo đúng báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tất cả các chỉ tiêu sau mỗi lần đánh giá, kiểm tra đều nằm trong tiêu chuẩn cho phép.

3.8. Hoạt động công đoàn

Ban lãnh đạo công ty và tổ chức Công đoàn luôn luôn tuân thủ các quy định của luật Lao động. Công ty thành lập đầy đủ các tổ chức, ban như hội đồng BHLĐ, hội đồng lương, nữ công Hàng năm công ty đều tổ chức phân tích các yếu tố rủi ro trong công việc tại các bộ phận nhằm xác định các yếu tố rủi ro tiềm tàng, phát sinh trong quá trình sản xuất và có phương pháp ngăn ngừa, phòng tránh rủi ro cho người lao động.

Công ty tuân thủ đúng luật và chế độ BHLĐ đối với người lao động, hàng năm người lao động được trang bị đầy đủ BHLĐ và các phương tiện bảo vệ cá nhân, định kỳ hàng năm người lao động được đào tạo nhận thức về ATLĐ, vệ sinh lao động, an toàn khi làm việc trên cao, an toàn cơ khí, an toàn khi làm việc

trong bồn kín... Người lao động được nghỉ làm việc để tham gia các khóa đào tạo và được hưởng lương thời gian trong thời gian đó.

Phát động phong trào thi đua: “Ổn định sản xuất - Hoàn thành kế hoạch – Đảm bảo vệ sinh môi trường – Chăm sóc thiết bị - ATLD, An toàn PCCC”.

Đề duy trì năng lực sản xuất Công đoàn không ngừng kết hợp với chính quyền tổ chức, hướng dẫn các bộ phận thực hiện tốt công tác GMP, ISO, RS, công tác bảo dưỡng, duy tu, tân trang thiết bị được thực hiện tốt.

Đã thực hiện việc ký Thỏa ước lao động tập thể giữa đại diện ban chấp hành công đoàn và người sử dụng lao động.

Trong năm toàn Công ty không có tranh chấp lao động xảy ra.

BCH Công đoàn đã phối hợp cùng chính quyền tổ chức tham quan nghỉ mát cho toàn bộ cán bộ công nhân viên 1 lần trong năm.

PHẦN 2: PHƯƠNG HƯỚNG SXKD NĂM 2016

1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2016

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KẾ HOẠCH NĂM 2016
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	37.388
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.128
3	Nộp ngân sách	Triệu đồng	28.441
4	Giá trị SXCN	tỷ đồng	55,364
5	Thu nhập bình quân	Vnd/ng	4.583.000

2. Phương hướng thực hiện:

2.1. Chiến lược Marketing và phân phối hệ thống bán hàng

2.1.1 Chiến lược Marketing

Năm 2016, Công ty xác định tập trung vào chiến lược nâng cao chất lượng sản phẩm với định hướng phục vụ khách hàng chuyên nghiệp, hiệu quả, tiết kiệm để tồn tại và phát triển trong giai đoạn cạnh tranh gay gắt. Triển khai các chương trình bán hàng trực tiếp đến tay người tiêu dùng, hỗ trợ cho các nhà phân phối. Tích cực quảng bá sản phẩm thông qua các phương tiện quảng cáo ngoài trời, băng rôn, tờ rơi và các kênh siêu thị có uy tín trên thị trường. Đẩy mạnh hơn nữa xây dựng uy tín thương hiệu Xà phòng Hà Nội với người tiêu dùng.

2.1.2. Phát triển sản phẩm:

Tiếp tục nghiên cứu và cho ra mắt các dòng sản phẩm như: Nước xả vải, Nước rửa tay, Nước tẩy toilet, Nước xịt kính và Nước khử mùi.....

Đa dạng hóa các sản phẩm với các mùi hương khác nhau cho nước giặt, nước lau sàn, nước rửa bát

2.1.3. Xây dựng hệ thống tiêu thụ sản phẩm:

a. Đối với Kênh NPP:

- Giữ vững thị trường tiêu thụ đã mở trên khu vực Tây Bắc và tiếp tục nâng cao doanh số tiêu thụ sản phẩm.
- Mở rộng hệ thống tiêu thụ sản phẩm các tỉnh khu vực Đông Bắc, Đồng bằng Sông hồng và Bắc trung bộ.
- Mở rộng hệ thống tiêu thụ sản phẩm vào khu vực Miền Trung
- Mở rộng hệ thống tiêu thụ sang Mianma và các nước trong khu vực

b. Đối với Kênh Siêu thị:

- Tập trung nâng cao doanh số, nâng cao hình ảnh thương hiệu thông qua các kênh siêu thị có thương hiệu trên khu vực miền Bắc và cả khu vực miền Nam.
- Mở rộng thị trường thêm với các hệ thống Siêu thị đã và đang có tiếng trên thị trường. Thâm nhập vào các hệ thống Siêu thị nhỏ lẻ để đến tay người tiêu dùng tốt hơn.

2.1.4. Phát triển thương hiệu

- Xây dựng hệ thống thương hiệu theo chiến lược phát triển bền vững.
- Xây dựng chuỗi hệ thống giá trị cho các dòng sản phẩm dùng trong việc chăm sóc nhà cửa và gia đình.
- Triển khai các hội chợ, chương trình truyền thông, các chương trình marketing tại điểm bán đưa thương hiệu đến gần với người tiêu dùng.

2.2. Công tác tổ chức nhân sự, hành chính:

Tuyển dụng nhân sự có chất lượng đáp ứng được yêu cầu công việc

Sắp xếp, điều chuyển, bố trí nhân lực có hiệu quả.

Phối hợp cùng công đoàn công ty chăm lo sức khỏe, chế độ đãi ngộ tốt để nâng cao tinh thần cho người lao động.

2.3. Công tác sản xuất:

- Tập trung cải tiến thiết bị, nâng cao năng suất lao động.
- Bố trí lao động hợp lý nhằm tiết giảm thời gian dư thừa.
- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc tuân thủ các quy trình, định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu.
- Đảm bảo tuyệt đối an toàn lao động, an toàn thiết bị, an toàn môi trường.

3. Các biện pháp để thực hiện các mục tiêu đề ra

3.1. Chuẩn bị tốt các nguồn lực có chất lượng để đảm bảo phục vụ tốt sản xuất và đạt mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra.

3.2. Thực hiện tốt hệ thống quản lý chất lượng ISO 22716, vận hành tốt hệ thống quản lý chất lượng BRC chú trọng công tác đào tạo và đưa các chương trình quản lý mới vào áp dụng nhằm sự thỏa mãn nhu cầu của khách hàng và giảm tối đa các chi phí khác.

3.3. Công tác bảo dưỡng thiết bị phải được duy trì và thực hiện thường xuyên, đầy đủ để thiết bị máy móc luôn luôn sẵn sàng phục vụ sản xuất của Công ty.

3.4. Các phòng ban trong công ty cần tăng cường bám sát tình hình sản xuất của các phân xưởng, kịp thời phát hiện những khó khăn vướng mắc và đề xuất các giải pháp để tháo gỡ khó khăn cho các phân xưởng góp phần đẩy mạnh SXKD.

3.5. Triển khai sản xuất đại trà các sản phẩm mang thương hiệu của Công ty để đưa ra tiêu thụ trên thị trường, mở rộng thêm thị trường và phát triển thêm hệ thống các kênh phân phối chuyên nghiệp.

3.6. Các phân xưởng sản xuất an toàn, tiết kiệm giảm tiêu hao điện, nước so với định mức. Duy trì hiệu quả an toàn đã đạt được, giảm tối đa số lần nhiễm vi sinh, môi trường.

3.7. Chuẩn bị tốt các nguồn tài chính để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Công ty tập trung tất cả nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu đã đề ra trong sản xuất kinh doanh và phát triển thêm sản phẩm mới.

Bước vào thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2016 với nhiều khó khăn và thách thức, nhưng với sự cố gắng của tập thể CBCNV công ty, được sự chỉ đạo của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Công ty tin tưởng sẽ hoàn thành kế hoạch và đạt được mục tiêu đề ra của Tập đoàn HCVN.

Giám đốc
Đã ký
Trương Văn Minh

IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty

I- HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015:

1- Cơ cấu tổ chức, số cổ phần sở hữu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xà phòng Hà Nội hiện tại gồm có 05 thành viên, trong đó:

- Chủ tịch HĐQT: 01 người, ông Nguyễn Văn Thiệu - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Thành viên HĐQT kiêm điều hành: 04 người, gồm: Ông Trương Văn Minh - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc công ty; ông Lê Hải Sơn - ủy viên HĐQT Kế toán trưởng Công ty; ông Lê Hồng Sơn - ủy viên Hội đồng quản trị - Trưởng phòng Tổ chức hành chính và ông Đào Nguyên Du - ủy viên HĐQT – Nguyên Trưởng phòng kỹ thuật Công ty (ông Du đã xin nghỉ việc từ ngày 06/2/2016 và đã gửi đơn từ nhiệm thành viên HĐQT).

Các thành viên Hội đồng quản trị sở hữu, đại diện cổ phần của công ty như sau:

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ TRONG HĐQT	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU/ĐẠI DIỆN đến 31/12/2015
1	Nguyễn Văn Thiệu	CHỦ TỊCH	3.891.744
2	Trương Văn Minh	ỦY VIÊN	3.243.118+16.083
3	Lê Hồng Sơn	ỦY VIÊN	3.243.118 +88
4	Lê Hải Sơn	ỦY VIÊN	1.386
5	Đào Nguyên Du	ỦY VIÊN	0

Trong năm 2015, Công ty không có biến động về cơ cấu tổ chức và nhân sự cấp cao của Công ty:

+ Ban Điều hành gồm:

Ông Trương Văn Minh Giám đốc
Bà Lê Diệu Thúy Phó Giám đốc

- Trong năm, các thành viên Hội đồng quản trị không mua thêm hoặc bán bớt số cổ phần của cá nhân nắm giữ tại Công ty.

2- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành:

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị công ty đã tiến hành 11 phiên họp, ban hành 12 nghị quyết, quyết định để quản lý, chỉ đạo hoạt động của công ty trong các lĩnh vực khác nhau.

3- Công tác quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị:

- Hoạt động quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của cổ đông; thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của công ty theo quy định của pháp luật.

- Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị thực hiện đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến công tác điều hành của Ban giám đốc. Hoạt động quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong năm 2015 được thể hiện trong các lĩnh vực chính sau đây:

a) Trong lĩnh vực sản xuất - kinh doanh:

Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị luôn theo dõi và giám sát hoạt động của công ty về mọi mặt; nắm bắt tình hình, chỉ đạo sát sao, kịp thời điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế.

Cùng với việc điều chỉnh các chỉ tiêu, Hội đồng quản trị đã đưa ra các định hướng phát triển nhằm tạo sự phát triển bền vững của công ty.

Tuy nhiên, hiện nay Công ty đã không còn những hợp đồng lớn, lâu dài về kinh doanh thương mại, làm giảm hiệu quả kinh doanh thương mại vốn đã có bề dày hoạt động của Công ty. Về chủ quan, Ban điều hành Công ty đã không chủ động, không phát huy được nguồn vốn, lợi thế uy tín trên thị trường của công ty, chưa tuân thủ nghiêm túc nghị quyết Hội đồng quản trị nên kết quả kinh doanh thương mại chưa cao.

Về sản xuất sản phẩm của Công ty năm 2015:

Công ty chưa đưa ra được giải pháp hiệu quả về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Sản phẩm của Công ty sản xuất ra vẫn chưa tiêu thụ tốt mặc dù Bộ phận bán hàng đã có nhiều cố gắng.

Về sản suất gia công sản phẩm cho Unilever năm 2015:

Do 05 tháng đầu năm 2015 chưa ký được hợp đồng sản xuất gia công cho Unilever dẫn đến Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất gia công.

Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2015 so với Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 (KH được đại hội cổ đông thông qua ngày 15 tháng 5 năm 2015).

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch SXKD năm 2015	Thực hiện	TH/KH (%)
----	----------	-------------	------------------------	-----------	-----------

1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	143.161	56.510	39%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.032	(- 9.024)	
3	Nộp ngân sách	Triệu đồng	14.680	12.566	85%
4	Giá trị SXCN	Triệu đồng	42.113	18.039	42%

Kết quả SXKD năm 2015 đều đạt thấp hơn so với năm 2014 cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả SXKD năm 2014	Kết quả SXKD năm 2015	So sánh thực hiện năm 2015/2014
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	131.990	56.510	42%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(-5.727)	(- 9.024)	
3	Đầu tư XDCB	Triệu đồng	850	1.181	138%

b) Trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng cơ bản:

Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản của công ty được Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá một cách cẩn trọng; trình tự, thủ tục thực hiện tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã thông qua các vấn đề sau đây:

- Thông qua chủ trương xây dựng nhà văn phòng và giới thiệu sản phẩm của Công ty Công ty tại 314,316,318 Nguyễn Trãi thanh xuân Hà Nội; đã giao cho Giám đốc tổ chức thực hiện xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy phép xây dựng tại địa điểm trên và triển khai thủ tục để tiến hành đầu tư theo quy định.

- Công ty có mua 02 xe nâng phục vụ cho SXKD.

c) Trong lĩnh vực tổ chức nhân sự và bộ máy quản lý:

- Công tác tổ chức bộ máy quản lý của công ty tiếp tục được kiện toàn, đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp của công ty đại chúng.

- Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã yêu cầu Giám đốc Công ty rà soát xây dựng phương án cơ cấu lại lao động khi dừng Hợp đồng gia công với Unilever.

- Đã triển khai xây dựng, ban hành mới một số quy chế, quy định, quyết định điều chỉnh các mặt hoạt động của công ty làm cơ sở cho công tác chỉ đạo, quản lý.

d) Trong lĩnh vực tài chính:

- Tình hình tài chính của công ty được Hội đồng quản trị kiểm soát chặt chẽ. Năm 2015, Hội đồng quản trị đã xem xét và quyết định tổng hạn mức vốn vay huy động phục vụ sản xuất kinh doanh phù hợp với yêu cầu SXKD.

- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 của công ty.

đ) Trong lĩnh vực quản lý phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác:

- Công ty có phần vốn góp tại Công ty cổ phần Bất động sản Xavinco. Phần vốn của công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác được công ty quản lý thông qua người đại diện. Hội đồng quản trị nắm bắt kịp thời tình hình công ty con, chỉ đạo cho người đại diện thực hiện chỉ đạo của Công ty.

- Trong năm 2015, ông Trương Văn Minh vẫn tiếp tục làm người đại diện phần vốn của công ty tại Công ty cổ phần Xavinco.

4- Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị:

Bên cạnh công tác quản lý, chỉ đạo, hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với hoạt động của Ban giám đốc và các cán bộ quản lý khác cũng được tăng cường, đảm bảo cho hoạt động của công ty tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

a) Đối với Ban giám đốc:

Ban giám đốc đã thực hiện đúng theo định hướng phát triển và các chỉ tiêu kế hoạch của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên do có nhiều khó khăn khách quan và chủ quan, Ban điều hành đã không thực hiện được kế hoạch lợi nhuận, doanh thu năm 2015.

- Trong điều hành hoạt động kinh doanh, Ban giám đốc đã đưa ra các cơ chế, chính sách kinh doanh, cố gắng nghiên cứu để tăng khối lượng sản phẩm sản xuất tuy nhiên đến cuối năm 2015, vẫn chưa có chuyên biến đáng kể nào.

- Công tác phát triển thị trường còn yếu.

- Tình hình tài chính, các khoản chi phí được Ban giám đốc kiểm soát chặt chẽ.

- Thực hiện tốt các chính sách tiền lương, thưởng, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

- Chấp hành tốt các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty trong quá trình điều hành công ty.

b) Đối với người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp khác:

Người đại diện phần vốn của công ty tại các doanh nghiệp do công ty chiếm giữ 3,56% vốn điều lệ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tuân thủ các quy định của pháp luật và của công ty.

Với vai trò lãnh đạo công ty con, người đại diện phần vốn của công ty tại Công ty Xavinco đã kiểm soát được hoạt động của Công ty và có báo cáo về HĐQT.

5. Thù lao HĐQT:

HĐQT đã được công ty chi trả thù lao năm 2015 đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

STT	CHỨC DANH	SỐ NGƯỜI	MỨC THÙ LAO Đồng/năm
1	Thù lao của HĐQT	05	132.000.000
2	Thù lao của Ban kiểm soát	03	60.000.000
3	Lương, thưởng và thu nhập của Ban Giám đốc	02	236.156.000
4	Thù lao thư ký công ty	01	12.000.000

Tương ứng mức thù lao của các thành viên:

- Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đồng/tháng
- Ủy viên HĐQT: 2.000.000 đồng/tháng
- Trưởng Ban Kiểm soát: 2.000.000 đồng/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 1.500.000 đồng/tháng
- Thư ký công ty 1.000.000 đồng/tháng.

II- NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016:

1. Đề xuất kế hoạch SXKD năm 2016:

1.1 Về Sản xuất kinh doanh:

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KẾ HOẠCH NĂM 2016
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	37.388
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.128
3	Nộp ngân sách	Triệu đồng	28.441

1.2. Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát: Giữ nguyên như mức năm 2015.

STT	CHỨC DANH	SỐ NGƯỜI	MỨC THÙ LAO Đồng/năm
1	Thù lao của HĐQT	05	132.000.000
2	Thù lao của Ban kiểm soát (từ tháng 01 đến hết tháng 4/2016) (từ tháng 05 đến hết tháng 12/2016)	03 02	20.000.000 24.000.000
3	Thù lao của thư ký công ty	01	12.000.000

2. Các giải pháp thực hiện:

2.1. Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý của công ty nhằm đáp ứng yêu cầu về quản trị doanh nghiệp của công ty đại chúng; chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty.

2.2. Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nghiên cứu thị trường tăng cường sản xuất tiêu thụ sản phẩm mang thương hiệu của Công ty để công ty tiếp tục phát triển.

2.3. Theo dõi sát diễn biến của chính sách tiền tệ, tiếp tục thực hiện kinh doanh thương mại bán cho Unilever.

2.4. Xem xét, đánh giá kỹ dự án đầu tư, xây dựng cơ bản trước khi triển khai nhằm đảm bảo tính hiệu quả của việc thực hiện dự án, phát huy tốt nhất việc sử dụng đồng vốn.

2.5. Tiếp tục kiện toàn các quy chế, quy định làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

2.6. Hoàn thiện cơ chế, chính sách tiền lương để người lao động được trả lương tương xứng với công sức và trình độ; đảm bảo thu hút và giữ được người lao động có trình độ chuyên môn tay nghề cao gắn bó làm việc lâu dài với Công ty.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý, chỉ đạo công ty năm 2015 và nhiệm vụ năm 2016.

Hội đồng quản trị xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Đã ký

Nguyễn Văn Thiệu

V. Quản trị công ty

Phụ lục số III

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÃ
PHÒNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 24 /BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY (năm 2015)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán

- Tên công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN XÃ PHÒNG HÀ NỘI
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 233B, đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Điện thoại: 04 3858 7051 Fax: 04 3858 4486 Email:
- Vốn điều lệ: 129.724.750.000 VND
- Mã chứng khoán (nếu có): XPH

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị (năm):

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Phạm Văn Chương	Chủ tịch		100%	
2	Ông Trương Văn Minh	Ủy viên		100%	
3	Ông Lê Hồng Sơn	Ủy viên		100%	
4	Ông Lê Hải Sơn	Ủy viên		100%	
5	Ông Đào Nguyễn Du	Ủy viên		100%	

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc: Hội đồng quản trị giám sát thông qua nghị quyết và thực hiện nghị quyết của HĐQT và hệ thống quy chế quy định của Công ty.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

II. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (năm):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	Số: 18/QĐ-HĐQT	30/01/2015	Ban hành quy chế tiêu thụ sản phẩm
02	Số: 21/NQ-	02/02/2015	- Phê duyệt nội dung đàm phán với Unilever về đề



	HDQT		<p>ngộ hỗ trợ Haso khi kết thúc hợp đồng gia công sản phẩm lông.</p> <p>- Giao cho Ông Trương Văn Minh – giám đốc công ty là người đại diện công ty đàm phán với Unilever về nội dung trên.</p>
03	Số: 22/NQ-HDQT	17/03/2015	<p>- Nhất trí thông qua Báo cáo tài chính năm 2014 (Bản kết quả sản xuất kinh doanh kèm theo).</p> <p>- Nhất trí thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 (Văn bản kèm theo).</p> <p>- Tiếp tục kinh doanh thương mại vào 6 tháng cuối năm 2015.</p> <p>- Nhất trí thời gian tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 dự kiến vào ngày 15 tháng 5 năm 2015.</p> <p>- Giao cho Giám đốc tìm các biện pháp giảm hàng tồn kho.</p> <p>- Tiếp tục giải pháp đàm phán với Unilever về việc hỗ trợ người lao động; Đàm phán về kinh phí đầu tư dây chuyền thiết bị theo tinh thần của các Nghị quyết hội đồng quản trị trước.</p> <p>- Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng văn phòng, cửa hàng bán, giới thiệu sản phẩm Công ty tại số nhà 314, 316, 318 đường Nguyễn Trãi. Giao cho Giám đốc thực hiện xin cấp phép xây dựng để triển khai trong tháng 4 năm 2015.</p>
04	Số: 23/NQ-HDQT	01/4/2015	<p>- Nhất trí thống nhất các nội dung đàm phán đã nhắc ở các Biên bản họp Hội đồng quản trị trước. Thành phần tham gia đàm phán: gồm 04 người.</p> <p>- Nhất trí thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2015 vào ngày 15/5/2015.</p> <p>- Thông qua danh sách Ban chuẩn bị Đại hội. Chương trình đại hội sẽ được quyết định sau khi có danh sách cổ đông chính thức.</p> <p>- Nhất trí xin ý kiến bằng văn bản của Chi ủy và Ban chấp hành công đoàn về Phương án cơ cấu lao động khi kết thúc hợp đồng gia công sản phẩm lông với Unilever do Ban điều hành trình.</p>
05	Số: 24/NQ-HDQT	04/5/2015	- Nhất trí thông qua báo cáo thường niên năm 2014.
06	Số: 26/QĐ-HDQT	10/6/2015	<p>- Phê duyệt hạn mức tín dụng trị giá 5.000.000.000 VND với ngân hàng Indovina để bổ sung vốn lưu động và mở L/C.</p> <p>- Đồng ý ủy quyền cho ông Trương Văn Minh - Giám đốc công ty được đại diện Công ty Cổ phần Xà</p>


 003
 1
 PH
 PH
 À N
 1
 AN

			phòng Hà Nội ký tên trên các Thông báo tín dụng, Hợp đồng Hạn mức tín dụng, Phụ lục Hợp đồng Hạn mức tín dụng, Hợp đồng thế chấp/cầm cố và Phụ lục Hợp đồng thế chấp/cầm cố, các giấy cam kết trả nợ, phiếu yêu cầu chuyển tiền, lệnh trả nợ và các chứng từ liên quan đến việc vay vốn với Ngân hàng TNHH Indovina.
07	Số: 28/QĐ-HDQT	08/7/2015	Chấp thuận đề người đại diện vốn của Công ty CP Xà phòng Hà Nội tại Công ty CP bất động sản Xavenco biểu quyết đồng ý vào phiếu lấy ý kiến của Công ty CP bất động sản Xavenco
08	Số: 30/QĐ-HDQT	13/7/2015	Nhất trí lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam là đơn vị thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán BCTC năm 2015 của Công ty
09	Số: 31A/QĐ-HDQT	06/10/2015	- Nhất trí thông qua kế hoạch năm 2016 trên cơ sở bổ sung nhiệm vụ kinh doanh dịch vụ thương mại để tăng doanh thu, giao Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện. - Nhất trí đầu tư mua 02 xe nâng mới. Giao cho Giám đốc tổ chức thực hiện.
10	Số: 31/QĐ-HDQT	31/12/2015	Ban hành hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương của Công ty.
11	Số: 32/QĐ-HDQT	31/12/2015	- Thống nhất với đề nghị của Giám đốc và ủy quyền cho Giám đốc Công ty thay mặt HDQT điều động tạm thời Ông Lê Hải Sơn – Kế toán trưởng sang phụ trách mảng kinh doanh thương mại của Công ty, các chế độ và lương và phụ cấp giữ nguyên. - Thống nhất với đề nghị của Giám đốc về việc giao nhiệm vụ Phó phòng phụ trách phòng Tài chính - Kế toán cho Bà Vũ Thị Hương, giao bà Hương chịu trách nhiệm về công tác tài chính kế toán của Phòng và của Công ty thay ông Lê Hải Sơn trong thời gian ông Sơn được điều động sang phụ trách mảng kinh doanh thương mại. - Thống nhất thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên HDQT, Chủ tịch HDQT đối với Ông Phạm Văn Chương.
12	Số: 33/QĐ-HDQT	31/12/2015	-Nhất trí thông qua bầu chức vụ thành viên HDQT và chủ tịch HDQT đối với Ông Nguyễn Văn Thiệu



III. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (năm): Không có

IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan (năm):

1. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CM ND/ ĐKK D	Ngày cấp CM ND/ ĐKK D	Nơi cấp CM ND/ ĐKK D	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
01	Tập đoàn hóa chất Việt Nam							10.378.030	80	
02	Ông Trương Văn Minh		Giám đốc/TV HĐQT					16.083	0,124	
03	Bà Lê Diệu Thúy		Phó GD					12.150	0,090	
04	Ông Lê Hải Sơn		KTT / TV HĐQT					3.986	0,030	
05	Ông Lê Hồng Sơn		TV HĐQT					88	0,001	
06	Bà Đỗ Thúy Ngọc		TV BKS					2.000	0,015	
07	Ông Lê Quang Tín		TV BKS					2.000	0,015	

2. Giao dịch cổ phiếu: Không có

3. Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty). Không có

V. Các vấn đề cần lưu ý khác: không



Nguyễn Văn Thiệu

VI. Báo cáo của Ban kiểm soát

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại luật doanh nghiệp và Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Xà phòng Hà Nội đã được Đại hội cổ đông thông qua, thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao. Ban Kiểm soát xin báo cáo trình đại hội cổ đông kết quả hoạt động của ban kiểm soát trong năm 2015 như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2015

Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, có ý kiến đóng góp trong phạm vi, quyền hạn, chức năng theo điều lệ qui định.

Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm soát theo Điều lệ của Công ty, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, tài liệu, chứng từ, Ban điều hành Công ty và đưa ý kiến của Ban Kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch, thực hiện sản xuất kinh doanh, tài chính, cụ thể:

- Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2015.
- Báo cáo tài chính năm 2015, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Kiểm soát việc ban hành và thực hiện các quy chế, quy định của Công ty.
- Các công tác khác.

Trong năm 2015 Ban Kiểm soát đã tổ chức kiểm tra để kiểm điểm nội dung hoạt động theo nhiệm vụ được giao.

II. Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT và ban điều hành công ty năm 2015.

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị của công ty gồm 5 thành viên được Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm (có nhiệm kỳ 5 năm). Bao gồm:

- Chủ tịch HĐQT: 01 người, ông Nguyễn Văn Thiệu. (Bổ sung chức vụ chủ tịch HĐQT với Ông Nguyễn văn Thiệu, miễn nhiệm chức vụ chủ tịch HĐQT với Ông Phạm văn Chương)

- Thành viên HĐQT kiêm điều hành: 04 người, gồm: Ông Trương Văn Minh - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc công ty; ông Lê Hải Sơn - ủy viên HĐQT Kế toán trưởng Công ty; ông Lê Hồng Sơn - ủy viên Hội đồng quản trị - Trưởng phòng Tổ chức hành chính và ông Đào Nguyên Du - ủy viên HĐQT – Nguyên Trưởng phòng kỹ thuật Công ty (ông Du đã xin nghỉ việc từ ngày 06/2/2016 và đã gửi đơn từ nhiệm thành viên HĐQT).

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị công ty đã tiến hành 11 phiên họp, ban hành 12 nghị quyết, quyết định để quản lý, chỉ đạo hoạt động của công ty trong các lĩnh vực khác nhau.

2. Hoạt động của ban điều hành.

- Ban điều hành Công ty đã không chủ động, không phát huy được nguồn vốn, lợi thế uy tín trên thị trường của công ty, chưa tuân thủ nghiêm túc nghị quyết Hội đồng quản trị, nên kết quả kinh doanh thương mại chưa cao, không hoàn thành được mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Công ty đã đầu tư dây chuyền sản xuất chai nhựa với giá trị 5.785.681.091 đồng, đến nay chưa sản xuất được, nên cần tập trung đẩy nhanh việc sản xuất chai tránh để thiệt hại về vốn đầu tư.

Đồng thời xem xét lại việc đầu tư cho dự án văn phòng làm việc tại 316-318 Nguyễn Trãi –Thanh Xuân Hà Nội. Công ty đã chi phí để xin cấp phép xây dựng 301.813.448 đồng đến nay vẫn chưa xây dựng được.

Việc đầu tư xe bán tải chở sản phẩm của công ty đi tiêu thụ và xe nâng chưa đạt hiệu quả.

- Tại điều 8 trong qui chế làm việc của HĐQT (*Ban hành kèm theo Quyết định số 69 /QĐ-HĐQT ngày 01 tháng 8 năm 2014 của HĐQT*). Nếu 02 năm liền Giám đốc không hoàn thành nhiệm vụ theo Hợp đồng lao động hoặc cam kết trách nhiệm, mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị HĐQT bãi nhiệm. Đề nghị HĐQT xem xét lại việc này.

3- Công tác quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị:

- Hoạt động quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của cổ đông; thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của công ty theo quy định của pháp luật.

- Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị thực hiện đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến công tác điều hành của Ban giám đốc. Hoạt động quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong năm 2015 được thể hiện trong các lĩnh vực chính sau đây:

Về thể thức nội dung các cuộc họp các Quyết nghị, Quyết định và văn bản HĐQT ban hành đã kịp thời phù hợp với luật doanh nghiệp và điều lệ của Công ty.

Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2015 đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ qui định tại luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và thống nhất các nội dung đánh giá kết quả thực hiện năm 2015 như báo cáo của HĐQT.

III. Kết quả giám sát hoạt động kinh doanh, tài chính và đầu tư trong năm 2015 của Công ty.

1. Kết quả hoạt động kinh doanh, và báo cáo tài chính năm 2015

a. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh.

Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2015:

ST T	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	TH/KH
1	Nộp Ngân sách	14.680 tỷ	12.566 tỷ	85%
2	GT SXCN	42.113 tỷ	18.039 tỷ	42%
3	Doanh thu	143.161 tỷ	56.510 tỷ	39%
4	Sản lượng hiện vật:			
	<i>*Gia công NRC Sunlight</i>		8.232 tấn/năm	
	<i>*Gia công SL Vim</i>		4.359 tấn/năm	
	<i>*Gia công Xà phòng thơm</i>	2.500 Tấn/năm	2.640 tấn năm	
	<i>*NRC SHINY</i>	300 tấn/năm	180 tấn/năm	
	<i>*Nước giặt AVO</i>	250 tấn/năm	52 tấn/năm	
	<i>*Giacôngkhác(Rell; Goodbye)</i>	900 tấn/năm	415 tấn/năm	
5	Kim ngạch nhập khẩu	0	0,281triệu USD	
6	Lợi nhuận phát sinh	2,032 tỷ	- 9,226 tỷ	-
	<i>*Lợi nhuận để lại năm sau</i>	0	- 9,226 tỷ	-
7	Cổ tức	0	0	
8	Đầu tư xây dựng cơ bản	0	1 t tỷ	
9	Thu nhập bình quân đầu người	3.176.000đ/người	3.700.000đ/người	

b.Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2015.

Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và định giá ViệtNam.Thành viên hãng kiểm toán BKR Inter national chuyên ngành kiểm toán , định giá tư vấn tài chính kế toán ,Thuế. Trên cơ sở thẩm định báo cáo tài chính theo các khía cạnh trọng yếu,Ban kiểm soát thống nhất với các nội dung báo cáo tài chính năm 2015của Công ty TNHH kiểm toán và định giá ViệtNam.Thành viên hãng kiểm toán BKR Inter national chuyên

ngành kiểm toán , định giá tư vấn tài chính kế toán ,Thuế .Báo cáo tài chính đã kiểm toán phù hợp với các qui định của chế độ kế toán hiện hành.

*Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính của Công ty.

Đơn vị tính: đồng

<i>Nội dung</i>	<i>Tại thời điểm 01/01/2015</i>	<i>Đến 31/12/2015</i>
HÀNG TỒN KHO	24.501.175.431	3.215.826.199
<i>Hàng tồn kho</i>	24.577.871.326	3.215.826.199
<i>Dự phòng GG hàng tồn kho</i>	(76.695.895)	
CÁC KHOẢN PHẢI THU	31.627.863.307	8.245.377.157
GIÁ TRỊ CÒN LẠI CỦA TÀI SẢN	69.554.613.449	70.299.195.339
<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	46.494.643.834	43.456.857.522
<i>Máy móc thiết bị</i>	18.200.069.963	21.496.027.665
<i>Phương tiện vận tải</i>	4.780.047.960	5.304.259.187
<i>Dụng cụ quản lý</i>	79.851.692	42.050.965
CHI PHÍ ĐẦU TƯ XD DỒ DANG	6.413.135.390	642.657.238
<i>Dự án NM tại Mê Linh</i>	100.000.000	100.000.000
<i>Dự án VP 316-318 Nguyễn Trãi</i>	301.813.448	301.813.448
<i>Dây chuyền sản xuất can nhựa</i>	5.785.681.091	
<i>Đầu tư khác</i>	225.640.851	240.083.790
CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TC DÀI HẠN	71.250.000.000	71.250.000.000
<i>Công ty BĐS Xavinco(Chiếm 3,56% vốn điều lệ, số lượng CP 7.125.000)</i>	71.250.000.000	71.250.000.000
CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CSH	129.724.750.000	129.724.750.000
<i>Vốn góp của nhà nước</i>	103.780.300.000	103.780.300.000

<i>Vốn góp của đầu tư khác</i>	25.944.450.000	25.944.450.000
CÁC QUỸ		
<i>Đầu tư phát triển</i>	95.572.220.798	95.572.220.798

* Các chỉ tiêu chủ yếu về tài sản và nguồn vốn đến 31/12/2015:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số dư đến 31/12/2015
I	Tổng tài sản	214.340.462.591
A	<i>Tài sản ngắn hạn</i>	60.969.969.819
B	<i>Tài sản dài hạn</i>	153.370.492.772
II	Tổng nguồn vốn	214.340.462.591
A	<i>Nợ phải trả</i>	4.777.891.512
B	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	209.562.571.079

2/ Đánh giá các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh:

a/ Hoạt động sản xuất:

Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị luôn theo dõi và giám sát hoạt động của công ty về mọi mặt; nắm bắt tình hình, chỉ đạo sát sao, kịp thời điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế.

Cùng với việc điều chỉnh các chỉ tiêu, Hội đồng quản trị đã đưa ra các định hướng phát triển nhằm tạo sự phát triển bền vững của công ty.

- Về sản xuất sản phẩm của Công ty năm 2015:

Công ty chưa đưa ra được giải pháp hiệu quả về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Sản phẩm của Công ty sản xuất ra vẫn chưa tiêu thụ tốt mặc dù Bộ phận bán hàng đã có nhiều cố gắng.

- Về sản suất gia công sản phẩm cho Unilever năm 2015:

Do 05 tháng đầu năm 2015 chưa ký được hợp đồng sản xuất gia công cho Unilever dẫn đến Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất gia công.

b/ Hoạt động kinh doanh vật tư hóa chất:

Năm 2015 Công ty không ký được hợp đồng lớn về kinh doanh thương mại, làm giảm hiệu quả kinh doanh vốn đã có bề dày hoạt động, bên cạnh đó Ban điều hành Công ty đã không phát huy được nguồn vốn, lợi thế, uy tín trên thị trường và bạn hàng truyền thống của công ty, chưa tuân thủ nghiêm túc nghị quyết Hội đồng quản trị nên kết quả kinh doanh thương mại không cao.

3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành.

Với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát luôn phối hợp, trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong các cuộc họp, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành phù hợp với mục tiêu của Hội đồng quản trị và các chính sách, chế độ quy định.

Ban kiểm soát đã được cung cấp đầy đủ các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, ban giám đốc, được các phòng ban trong Công ty tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp hồ sơ tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra kiểm soát của Ban Kiểm soát.

4. Thực hiện nghị quyết của đại hội cổ đông

Trong năm 2015, Công ty không hoàn thành kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội cổ đông. Cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Nghị Quyết ĐHCĐ	Thực hiện	Tỷ lệ
1	Giá trị SXCN	42.113 tỷ	18.039 tỷ	42%
2	Doanh thu	143.161 tỷ	56.510 tỷ	39%
3	Nộp ngân sách	14.680 tỷ	12.566 tỷ	85%
4	Lợi nhuận trước thuế	2,032 tỷ	- 9,226 tỷ	
5	Đầu tư XD CB	0	1 tỷ	
6	Thu nhập bình quân đầu người.	3.176.000đ/người	3.700.000đ/người	

5. Xây dựng các quy chế, quy định và các định mức tiêu hao:

Trong năm 2015 công ty đã thực hiện các quy chế, qui định, định mức tiêu hao đang hiện hành của công ty.

IV/ Ban Kiểm soát nhận xét và kiến nghị:

1/ Nhận xét

- Về tổ chức cơ cấu của Công ty: cơ cấu tổ chức của công ty hiện nay chưa hợp lý, chức năng nhiệm vụ chưa rõ ràng, Công ty cần duy trì, ổn định công việc tại một số phòng ban đã sắp xếp lại nhằm phát huy hiệu quả trong việc sử dụng lao động.

- Trong năm 2015, Công ty gặp nhiều khó khăn, hoạt động kinh doanh không đem lại hiệu quả, Công ty bị lỗ và không hoàn thành kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao về sản lượng sản xuất, doanh thu, lợi nhuận.

Để sản xuất, kinh doanh của Công ty có hiệu quả Công ty cần đẩy mạnh sản xuất, tiêu thụ sản phẩm của Công ty và chủ động trong việc tìm kiếm bạn hàng kinh doanh.

- Hiện nay các quy chế, quy định của Công ty đã ban hành nhưng chưa thực hiện đồng bộ và đầy đủ, với tình hình hoạt động năm 2016 và các năm tiếp theo của Công ty hệ thống quy chế, quy định này chưa đáp ứng được nhu cầu hoạt động của Công ty.

2/ Kiến nghị

- Để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động sản xuất gia công cho đối tác, Ban Kiểm soát đề nghị công ty duy trì, đáp ứng tốt các yêu cầu về chất lượng cũng như vệ sinh, các yêu cầu về quản lý của ULV, đồng thời đàm phán để ULV tiếp tục ký hợp đồng gia công với Công ty.

- Công ty duy trì, tập trung nguồn lực vào mảng kinh doanh hóa chất đồng thời tìm và mở rộng danh sách nhà cung cấp vào U sao cho đảm bảo được nguồn hàng có chất lượng và giá cả cạnh tranh.

- Công ty đã đầu tư dây chuyền sản xuất chai nhựa nên cần tập trung đẩy nhanh việc sản xuất chai tránh để thiệt hại về vốn đầu tư, đồng thời xem xét lại việc đầu tư cho dự án văn phòng làm việc tại 316-318 Nguyễn Trãi –Thanh Xuân Hà Nội.

- Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty phải rà soát các quy chế, quy định, các định mức tiêu hao hiện tại để thực hiện sửa đổi bổ sung cho phù hợp, các quy chế, quy định còn thiếu phải được xây dựng và ban hành đưa vào thực tiễn trong năm 2016 nâng cao trách nhiệm của từng khâu, từng bộ phận nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát trân trọng báo cáo!

CÁC THÀNH VIÊN

TRƯỞNG BAN

Đỗ Thúy Ngọc (Đã ký)

Đã ký

Lê Quang Tín (Đã ký)

Nguyễn Thị Vân Hoa

VII. Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÀ PHÒNG HÀ NỘI BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Văn Chương	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 31/12/2015)
Ông Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 31/12/2015)
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên
Ông Lê Hải Sơn	Ủy viên
Ông Lê Hồng Sơn	Ủy viên
Ông Đào Nguyễn Du	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Văn Minh	Giám đốc
Bà Lê Diệu Thuý	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN XÀ PHÒNG HÀ NỘI

Đã ký

Trương Văn Minh

Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội (gọi tắt là Công ty), được lập ngày 25/02/2016, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP*(tiếp theo)***Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của kỳ này. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo của Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó tại ngày 26/3/2015.

Đã ký

Phạm Hùng Sơn**Phó Tổng giám đốc***Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1*

Đã ký

Phạm Thị Hiền**Kiểm toán viên***Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2013-034-1*

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31-12-15	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		60,747,977,109	65,791,082,777
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45,089,686,972	7,344,099,327
1. Tiền	111		3,089,686,972	3,344,099,327
2. Các khoản tương đương tiền	112		42,000,000,000	4,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8,249,440,117	31,627,863,207
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	7,326,523,908	30,280,493,886
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	574,230,666	1,038,406,915
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	720,286,499	459,169,827
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(371,600,956)	(150,207,421)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.4	-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	3,215,826,199	24,501,175,431
1. Hàng tồn kho	141		3,215,826,199	24,577,871,326
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(76,695,895)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,193,023,821	2,317,944,812
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	41,837,289	19,663,558
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,295,442,617	1,440,117,128
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.15	855,743,915	858,164,126
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.11	-	-

B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		153,370,492,772	158,688,328,658
(200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		80,995,928,581	80,529,837,603
1. TSCĐ hữu hình	221	V.11		
- Nguyên giá	222		70,299,195,339	69,554,613,449
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		122,470,834,945	115,371,587,945
2. TSCĐ thuê tài chính	224		(52,171,639,606)	(45,816,974,496)
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.09		
- Nguyên giá	228		10,696,733,242	10,975,224,154
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		12,010,371,500	12,010,371,500
			(1,313,638,258)	(1,035,147,346)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	642,657,238	6,413,135,390
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		642,657,238	6,413,135,390
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3	71,250,000,000	71,250,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		71,250,000,000	71,250,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		481,906,953	495,355,665
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	481,906,953	292,866,948
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	-	202,488,717
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-

4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	214,118,469,881	224,479,411,435

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31-12-15	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4,545,665,804	5,690,270,875
I. Nợ ngắn hạn	310		4,545,665,804	5,690,270,875
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	2,184,815,147	2,211,711,293
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	12,391,627	30,261,731
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.15	3,155,848	-
4. Phải trả người lao động	314		956,677,292	456,550,969
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	362,183,647	755,616,652
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1,026,442,243	2,236,130,230
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-

8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400			218,789,140,560
			209,765,059,796	
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18		218,789,140,560
			209,765,059,796	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			129,724,750,000
			129,724,750,000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			129,724,750,000
			129,724,750,000	
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			99,524,000
			99,524,000	
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			95,572,220,798
			95,572,220,798	
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421			
			(15,631,435,002)	(6,607,354,238)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
			(6,607,354,238)	(619,829,705)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b			
			(9,024,080,764)	(5,987,524,533)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440			224,479,411,435
			214,310,725,600	

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN XÀ PHÒNG HÀ NỘI

Người lập biểu
 Đã ký

Vũ Thị Hương

Kế toán trưởng
 Đã ký

Lê Hải Sơn

Giám đốc
 Đã ký

Trương Văn Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	56,575,665,588	132,121,424,347
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	64,915,154	131,098,762
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	56,510,750,434	131,990,325,585
4. Giá vốn hàng bán	11	48,962,309,757	115,292,357,986
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	7,548,440,677	16,697,967,599
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,877,295,593	47,727,518
7. Chi phí tài chính	22	23,346,232	839,849,796
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	1,914,782	636,909,839
8. Chi phí bán hàng	25	8,719,626,885	13,091,841,832
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	10,534,039,598	8,631,943,578
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30	(9,851,276,445)	(5,817,940,089)
11. Thu nhập khác	31	1,642,725,557	374,278,943
12. Chi phí khác	32	815,529,876	282,867,311
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	827,195,681	91,411,632
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	(9,024,080,764)	(5,726,528,457)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	202,488,717	260,996,076
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	(9,226,569,481)	(5,987,524,533)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(711)	(462)

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đã ký	Đã ký	Đã ký
Vũ Thị Hương	Lê Hải Sơn	Trương Văn Minh

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm 2015	Năm 2014
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	(9,024,080,764)	(5,726,528,457)
2.	Điều chỉnh cho các khoản			
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	7,568,825,770	7,119,994,993
-	Các khoản dự phòng	03	144,697,640	(200,716,704)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	444,330	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2,516,533,316)	(43,690,694)
-	Chi phí lãi vay	06	1,914,782	636,909,839
-	Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3,824,731,558)	1,785,968,977
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	21,558,476,126	14,814,085,184
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	21,362,045,127	8,911,976,958
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(852,003,873)	(3,883,602,767)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(211,213,736)	541,959,203
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14	(1,914,782)	(636,909,839)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-

			5,206,795,583
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-
			(11,081,455,168)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	38,030,657,304
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		15,658,818,131
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1,328,768,848)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,330,574,679
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	43,690,694
			1,805,831
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		(1,316,771,346)
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	0
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	0
3.	Tiền thu từ đi vay	33	1,303,390,410
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34	56,268,328,292
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1,303,390,410)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(70,625,673,878)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	0
			(60,375,490)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(60,375,490)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	37,972,087,645
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	7,344,099,327
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	7,359,398,128
			45,315,742,642

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm

2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÀ PHÒNG
HÀ NỘI**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đã ký

Đã ký

Đã ký

Vũ Thị Hương

Lê Hải Sơn

Trương Văn Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội là Công ty Cổ phần được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà Nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 248/2003/QĐ - BCN ngày 31/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về chuyển chính thức Công ty Xà phòng Hà Nội thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam thành Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006569 ngày 27 tháng 01 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, sửa đổi lần 7 ngày 24 tháng 12 năm 2013 thì vốn điều lệ của Công ty là **129.724.750.000 đồng**.

Ngày 25/11/2014, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại sàn UpCOM - Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: XPH.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh hoá chất và chất tẩy rửa tổng hợp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Công nghiệp sản xuất chất tẩy rửa tổng hợp;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hóa chất, vật tư và chất tẩy rửa tổng hợp;
- Sản xuất kinh doanh hóa mỹ phẩm, bao bì và in nhãn mác trên sản phẩm;
- Kinh doanh thực phẩm công nghệ, lương thực, thực phẩm đã qua chế biến;
- Cho thuê văn phòng và kho tàng;
- Sản xuất và kinh doanh nhựa PVC vật liệu hàng xây dựng, hàng trang trí nội, ngoại thất, sản phẩm, vật tư ngành cơ khí;
- Kinh doanh phân bón (trừ loại nhà nước cấm)/.

Nhà máy sản xuất đặt tại: Lô CN3.2 Khu công nghiệp Thạch Thất, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 3858 7051 - Fax: (84-4) 3858 4486.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01/01/2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số

15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 đã được phân loại lại và trình bày lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản

tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng Citibank - Chi nhánh Hà Nội.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng Citibank - Chi nhánh Hà Nội.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng Citibank - Chi nhánh Hà Nội.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng Citibank - Chi nhánh Hà Nội.

3. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá.

Đầu tư tài chính dài hạn là Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco. Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco được thành lập theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 04/05/2010 giữa Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội, Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Việt Nam và Công ty Cổ phần Vincom. Theo đó, Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco có vốn điều lệ là 2.000 tỷ đồng, trong đó: Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội góp 71,25 tỷ đồng, chiếm gần 3,6% trên tổng vốn điều lệ, số vốn còn lại do Công ty Cổ phần Vincom nắm giữ. Theo Hợp đồng

hợp tác đầu tư trên thì Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco sẽ khai thác diện tích đất tại địa chỉ số 233 và 233B đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, diện tích đất này hiện đứng tên Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội. Tuy nhiên, phần lớn các quyền và nghĩa vụ đã được chuyển giao cho Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco theo Hợp đồng hợp tác đầu tư. Đến thời điểm 31/12/2015, Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco vẫn đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản nên Ban Giám đốc vẫn trình bày và ghi nhận khoản góp vốn đầu tư trên theo giá gốc.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất, hết hạn sử dụng và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

7. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ

7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm website, phần mềm kế toán, quyền sử dụng đất.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Website	03
Phần mềm	05
Quyền sử dụng đất	44

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi đầu tư Dự án Nhà máy tại Mê Linh và Dự án Văn phòng tại Nguyễn Trãi để hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) chưa hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo

giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Giá trị của các công trình xây dựng cơ bản dở dang đang trong quá trình xây dựng nên chưa được quyết toán. Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ dụng cụ.

Các khoản chi phí trả trước này thuộc tài sản lưu động phát sinh một lần với giá trị lớn, thời gian sử dụng dài. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm hoá chất và chất tẩy rửa tổng hợp, doanh thu dịch vụ cho thuê kho và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

14.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10% cho các sản phẩm, mặt hàng và dịch vụ.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang,

nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31-12-15 VND	01/01/2015 VND
Tiền	3,315,742,642	3,344,099,327
<i>Tiền mặt tại quỹ</i>	<i>204,346,399</i>	<i>85,220,733</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>3,111,396,243</i>	<i>3,258,878,594</i>
VND		
Ngân hàng CITIBANK, N.A - Chi nhánh Hà Nội	3,031,473,799	3,253,639,356
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đống Đa	1,080,686,637	2,755,682,877
Ngân hàng TNHH MTV HSBC - Chi nhánh Hà Nội	-	40,673,947
Ngân hàng TNHH INDOVINA - Chi nhánh Hà Nội	408,597,171	408,870,219
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Trung Hòa	1,424,309,436	33,884,756
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đống Đa	61,696,708	2,895,239
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	-	9,846,197
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	1,707,403	1,786,121
Ngân hàng NN và PT nông thôn VN - Chi nhánh Hà Thành	54,476,444	-
USD		
	79,922,444	5,239,238

<i>Ngân hàng CITIBANK</i>	79,697,719	5,192,415
<i>Ngân hàng TNHH INDOVINA - Chi nhánh Hà Nội</i>	224,725	-
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Đống Đa</i>		46,823
Các khoản tương đương tiền	42,000,000,000	4,000,000,000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội</i>	32,000,000,000	4,000,000,000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TNHH Indovina - CN Mỹ Đình</i>	10,000,000,000	-
Cộng	45,315,742,642	7,344,099,327

2. Phải thu khách hàng

	01/01/2015	
	VND	
	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	29,729,733,846	-
CN Hà Nội - Công ty CP dịch vụ TM tổng hợp Vincommerce	-	-
Công ty Cổ phần bột giặt LIX	-	-
Công ty TNHH VICO	-	-
Công ty Cổ phần phân bón và Hóa chất Cần Thơ	-	-
Công ty TNHH Tân Thành Đồng	118,702,990	-
Các đối tượng khác	432,057,050	-
Công ty Cổ phần Siêu thị Vinmart - Chi nhánh Hà Nội	192,838,650	-
Công ty Cổ phần Otran Hưng Yên	165,500,022	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Phạm Gia Phú	140,250,000	-
Công ty TNHH Marksys Việt Nam	95,731,492	108,264,368
Công ty Cổ phần XNK Hóa chất Miền Nam	-	49,359,200
Các đối tượng khác	433,318,470	393,136,472
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	-	-

- Các khoản phải thu khách hàng khác	-	-
c) Phải thu khác hàng là các bên liên quan	-	-
Cộng	30,280,493,886	-
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2		

3. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

	01/01/2015			31-12-15		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	DP	Giá gốc	Giá trị hợp lý	DP
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	71,250,000,000	71,250,000,000	-	71,250,000,000	71,250,000,000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	71,250,000,000	71,250,000,000	-	71,250,000,000	71,250,000,000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco	71,250,000,000	71,250,000,000	-	71,250,000,000	71,250,000,000	-
<u>Chi tiết khoản đầu tư</u>						
Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco	01/01/2015			31-12-15		
- Số lượng	7,125,000	Cổ phần		7,125,000	Cổ phần	
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	3.56	%		3.56	%	
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	3.56	%		3.56	%	

Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản và Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco không lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Theo đó, giá trị hợp lý của khoản đầu tư nêu trên được Công ty ghi nhận bằng giá gốc.

Đầu tư

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31-12-15	01/01/2015
	VND	VND
Trả trước người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Xây dựng thương mại và Xuất nhập khẩu Thái Tôn	237,409,351	214,167,962
Văn phòng luật sư Havip	135,000,000	135,000,000
Công ty TNHH Khuôn mẫu Toàn Thắng	107,472,000	75,000,000
WL Group Co LTD	-	-
Công ty Cổ phần 216	-	231,959,200
Công ty CP Sản xuất thương mại Mê Kông	-	210,218,321

Đối tượng khác	55,785,170	172,061,432
<i>TT cung cấp dịch vụ bảo vệ-Công ty Thăng long</i>	19,999,337	19,999,337
<i>Công ty TNHH Tân Thành Đồng (Carton)</i>	11,709,400	11,709,400
<i>Công ty TNHH ITV vận tải hàng hóa đường sắt</i>	10,666,127	10,666,127
<i>Công ty CP Môi trường Thuận thành</i>	7,500,000	7,500,000
<i>Horizons</i>	-	-
<i>Công ty TNHH HYUNDAI MERCHANT MARINE VIETNAM</i>	3,651,746	3,651,746
<i>Công ty CP sản xuất nhựa Gia Phú</i>	2,235,000	-
<i>Công ty xăng dầu khu vực 1</i>	23,560	13,279,071
<i>CN Công ty TNHH NNMTV Xây lắp Hoá chất - Lắp máy</i>	-	1
<i>Công ty TNHH TM - TH & DV kỹ thuật TĐ</i>	-	22,456,500
<i>Công ty TNHH thương mại dịch vụ Anh Nghi Sơn</i>	-	60,299,250
<i>Công ty TNHH thương mại và kỹ thuật Châu Á</i>	-	22,500,000
Cộng	535,666,521	1,038,406,915

5. Phải thu khác

	01/01/2015	
	VND	
	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>		-
Tạm ứng	171,181,528	-
<i>Nguyễn Duy Trung</i>	63,064,628	-
<i>Đặng Hà Thu</i>	27,436,900	-
<i>Nghiêm Minh Long</i>	40,000,000	-
<i>Các đối tượng khác</i>	40,680,000	-
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Phải trả phải nộp khác	-	-
Phải thu khác	287,988,299	-
<i>Ngân hàng INDOVINA chi nhánh Đống Đa</i>	-	-
<i>Ngân hàng TNHH MTV HSBC - Chi nhánh Hà Nội</i>	-	-
<i>Nguyễn Duy Trung</i>	-	-
<i>Các đối tượng khác</i>	287,988,299	-
b) <i>Dài hạn</i>	-	-
Phải thu về cổ phần hoá;	-	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia;	-	-
Phải thu người lao động;	-	-
Ký cược, ký quỹ;	-	-
Cho mượn;	-	-

Các khoản chi hộ;	-	-
Phải thu khác	-	-
Cộng	459,169,827	-

(i) Tiền thuê đất lần 1 năm 2015 tại Thanh Xuân trả hộ Công ty Cổ phần Bất động sản Xavico theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 04/05/2010 giữa Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội, Công ty Cổ phần Vincom và Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Việt Nam về việc các bên góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Bất động sản Xavico làm chủ đầu tư Dự án Tổ hợp khách sạn, văn phòng, trung tâm thương mại, siêu thị và căn hộ cao cấp cho thuê hoặc để bán tại 233B Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

4. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Dự phòng	
	Số lượng	Giá trị
a) Tiền	-	-
b) Hàng tồn kho	-	-
c) Tài sản cố định	-	-
d) Tài sản khác	-	-

6. Nợ xấu

Đơn vị tính:
VND

	Dự phòng VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi		
<i>Chị Hà - Cửa hàng</i>	7,009,271	7,009,271
<i>Cơ sở Diệp Hà</i>	10,728,578	10,728,578
<i>Cơ sở Thịnh Yên</i>	9,928,113	9,928,113
<i>Công ty TNHH Thống Nhất</i>	58,485,432	58,485,432
<i>Công ty Cổ phần Cảnh Hưng</i>	4,973,760	4,973,760
<i>Cty TNHH Tân Thành Đồng (Silicat)</i>	-	-
<i>Cty TNHH Tân Thành Đồng (Carton)</i>	2,116,495	2,116,495
<i>Công ty TNHH Thiên Long</i>	47,840,006	47,840,006
<i>Công ty TNHH VINAFCO</i>	9,125,766	9,125,766
<i>Trung tâm cung cấp dịch vụ bảo vệ - Công ty Thăng Long</i>	-	-
<i>Công ty TNHH Tân Thành Đồng (Carton)</i>	-	-
<i>Công ty TNHH MTV vận tải hàng hóa đường sắt</i>	-	-
Cộng	150,207,421	150,207,421

7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính:
VND

	Dự phòng VND	
	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	1,639,556,421	-
Công cụ, dụng cụ	52,620,163	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm	319,352,938	-
Hàng hoá	22,566,341,804	(76,695,895)
Hàng gửi đi bán	-	-
Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
Cộng	24,577,871,326	(76,695,895)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, giá gốc hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ là 6.520.367.413 VND; Lý do dẫn đến trích lập thêm là do tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hàng hóa đã tồn kho ứ đọng lâu, kém, mất phẩm chất dẫn đến giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá trị ghi sổ của Hàng tồn kho.

Mức trích lập dự phòng giảm giá Hàng tồn kho được Công ty Căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá số 237/CT-PIV ngày 13 tháng 8 năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thẩm định giá PIV, Biên bản họp và thẩm định mức trích lập dự phòng hàng tồn kho ngày 13/8/2015 của Công ty và Quyết định số 137/QĐ-XPHN ngày 13/8/2015 của Giám đốc Công ty về việc Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015. Theo đó, Công ty đã trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.590.824.805 VND.

Đến thời điểm 31/12/2015, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.667.520.700 VND. Lý do dẫn đến hoàn nhập là Công ty đã bán thanh lý tất cả hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất trên và hoàn tất việc giao hàng, ghi nhận doanh thu trong năm 2015.

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31-12-15 VND	01/01/2015 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Dự án nhà máy tại Mê Linh	100,000,000	100,000,000
Dự án văn phòng làm việc tại Nguyễn Trãi	301,813,448	301,813,448
Dây chuyền lắp can nhựa	-	5,785,681,091
Khác	240,843,790	225,640,851

Cộng	642,657,238	6,413,135,390
-------------	--------------------	----------------------

9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Đơn vị tính:
		VND
		Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
Số dư ngày 01/01/2015		12,010,371,500
	11,732,048,500	
Mua trong năm	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-
- Tăng khác	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư ngày 31/12/2015		12,010,371,500
	11,732,048,500	
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2015		1,035,147,346
	797,672,731	
Khấu hao trong kỳ		278,490,912
	265,890,912	
- Tăng khác	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư ngày 31/12/2015		1,313,638,258
	1,063,563,643	
Giá trị còn lại		
- Tại ngày 01/01/2015	10,934,375,769	10,975,224,154
- Tại ngày 31/12/2015	10,668,484,857	10,696,733,242

10. Chi phí trả trước

	31-12-15	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	41,837,289	19,663,558
Công cụ dụng cụ xuất dùng	41,837,289	19,663,558
b) Dài hạn	481,906,953	292,866,948
Công cụ dụng cụ xuất dùng	481,906,953	292,866,948

Cộng	523,744,242	312,530,506
-------------	--------------------	--------------------

11. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư ngày 01/01/2015	52,942,062,919	53,546,211,928	8,573,330,408	309,982,690	115,371,587,945
- Mua trong năm	-	404,565,909	909,000,000	-	1,313,565,909
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	5,785,681,091	-	-	5,785,681,091
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2015	52,942,062,919	59,736,458,928	9,482,330,408	309,982,690	122,470,834,945
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2015	6,447,419,085	35,346,141,965	3,793,282,448	230,130,998	45,816,974,496
- Khấu hao trong năm	3,037,786,312	3,829,959,046	384,788,773	37,800,727	7,290,334,858
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(935,669,748)	-	-	(935,669,748)
Số dư ngày 31/12/2015	9,485,205,397	38,240,431,263	4,178,071,221	267,931,725	52,171,639,606
Giá trị còn lại					
- Tại ngày 01/01/2015	46,494,643,834	18,200,069,963	4,780,047,960	79,851,692	69,554,613,449
- Tại ngày 31/12/2015	43,456,857,522	21,496,027,665	5,304,259,187	42,050,965	70,299,195,339
- Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 13.700.600.528 VND.					
- Giảm khác là phần thu lại khấu hao nhanh từ năm trước của TSCĐ đang tạm dừng hoạt động.					

12. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính:
VND

01/01/2015	Số phát sinh trong năm	31-12-15
-------------------	-------------------------------	-----------------

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	-	1,303,390,410		-	-
Vay ngân hàng	-	-	1,303,390,410	1,303,390,410	-	-
Ngân hàng CITIBANK	-	-	1,303,390,410	1,303,390,410	-	-
Tổng cộng	-	-	1,303,390,410	1,303,390,410	-	-

13. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	Giá trị		Dự phòng	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>				
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả	2,155,864,989	1,743,535,489	2,211,711,293	2,211,711,293
Công ty cổ phần lắp máy công nghiệp Việt Nam	234,993,000	234,993,000	-	-
Công ty cổ phần đầu tư thương mại Lê Phạm	223,492,500		-	-
Công ty CP TM & cơ khí ô tô Tiến Thành	188,837,000		-	-
Công ty CP Văn phòng phẩm Cửu Long	159,170,242	159,170,242	46,717,433	46,717,433
Công ty Cp hoá chất Việt Trì	147,905,340	147,905,340	-	-
Công ty TNHH thương mại DV Tân Long	140,001,050	140,001,050	593,548,800	593,548,800
Công ty TNHH.TM.DV.SX. Sao Thiên Hà	119,702,000	119,702,000	70,092,000	70,092,000
Doanh nghiệp tư nhân Anh Chung	111,763,520	111,763,520	-	-
Công ty CP thương mại và dịch vụ Địa chất	105,406,007	105,406,007	62,235,674	62,235,674
Đối tượng khác	724,594,330	724,594,330	1,439,117,386	1,439,117,386
Công ty TNHH in và thương mại Linh Gia	74,624,000	74,624,000	-	-
Công ty TNHH TM-DV đạt Mỹ	53,692,826	53,692,826	11,966,350	11,966,350
Công ty TNHH Hóa chất M.K.V.N	53,450,000	53,450,000	-	-
Công ty CP Dịch vụ bảo vệ Nhất Việt	51,480,000	51,480,000	36,300,000	36,300,000
Công ty TNHH Đầu tư TM và DV Minh Hương	51,437,650	51,437,650	190,971,526	190,971,526
Công ty Điện lực Thạch Thất - Hà Nội	40,178,270	40,178,270	17,545,070	17,545,070
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HOÀNG TUẤN	37,263,600	37,263,600	191,297,174	191,297,174
Công ty CP tạp phẩm và bảo hộ lao động	34,485,000	34,485,000	3,630,000	3,630,000
Công ty TNHH Zaphir Contemporary	29,677,478	29,677,478	-	-
New Strength Co LTD	-	-	-	-
Công ty TNHH Nhựa chính xác Tây Hà	26,400,000	26,400,000	-	-
Công ty TNHH Lan Phương	26,100,800	26,100,800	112,720,344	112,720,344

	26,100,800			
Trung tâm môi trường và khoáng sản - CN Công ty CP đầu tư CM Nguyễn Viết Tự	25,935,000	25,935,000	-	-
	22,218,158	22,218,158	8,772,451	8,772,451
Công ty cổ phần HEARTLINK	21,209,650	21,209,650	-	-
Công ty CP Bao bì Kinh Bắc	19,680,877	19,680,877	15,792,746	15,792,746
Công ty CP tiếp vận Cát Lái	17,028,000	17,028,000	193,644,000	193,644,000
Mai Thị Khánh Tân	16,690,000	16,690,000	7,800,000	7,800,000
Công ty TNHH P.DUSSMANN VIETNAM	16,500,000	16,500,000	14,190,000	14,190,000
Công ty cổ phần phát triển đầu tư Hoàng Hà	12,738,000	12,738,000	-	-
Công ty TNHH hóa chất công nghiệp Việt Hoa	11,880,000	11,880,000	11,880,000	11,880,000
Công ty CP công nghệ Toàn Phương	11,269,999	11,269,999	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000
Công ty CP Nhựa Nhiệt đới	6,831,000	6,831,000	-	-
Công ty TNHH Xây Dựng và Dịch vụ Hà An	6,646,400	6,646,400	6,646,400	6,646,400
Công ty CP xây dựng Hoàng Phát Hà Nội	6,250,000	6,250,000	6,250,000	6,250,000
Phạm Thanh Hạt	6,101,700	6,101,700	-	-
Công ty TNHH Interlube Việt Nam	5,897,232	5,897,232	-	-
Công ty TNHH An Phú	5,174,985	5,174,985	-	-
Công ty TNHH ITV Thế cao	4,345,000	4,345,000	-	-
Bùi Thế Minh	4,140,000	4,140,000	3,520,000	3,520,000
Công ty TNHH Loscam Việt Nam	3,830,453	3,830,453	2,363,471	2,363,471
Công ty TNHH Thanh Long	3,245,500	3,245,500	101,605,594	101,605,594
Chi nhánh Công ty CP Hàng Hải MACS tại Hải phòng	2,906,958	2,906,958	2,906,958	2,906,958
EVERGREEN SHIPPING AGENCY (VIETNAM) CORP	2,789,300	2,789,300	2,789,300	2,789,300
Công ty TNHH SITC Việt Nam Tại TP HCM	1,401,215	1,401,215	1,401,215	1,401,215
Công ty TNHH Én vàng	1,320,000	1,320,000	-	-
Công ty cổ phần công nghệ tin học EFY Việt Nam	968,000	968,000	-	-
Công ty cổ phần công nghệ phần mềm 3A Việt Nam	800,000	800,000	-	-
Anh Việt	351,300	351,300	351,300	351,300
Công ty TNHH Vạn Hai Việt Nam	150,000	150,000	150,000	150,000
Công ty TNHH vận tải biển Liên Hợp	5,479	5,479	-	-
Đoàn Thanh Hường	500	500	-	-
Chi nhánh Công ty TNHH Roha Dyechem Việt Nam tại Hà Nội	-	-	270,000	270,000
CN DNTN sản xuất Hoàng Nguyên	-	-	2,304,016	2,304,016
Công ty cổ phần sản xuất nhựa Duy Tân	-	-	5,676,176	5,676,176
Công ty CP vận tải và thương mại Hồng Đức	-	-	26,994,000	26,994,000
Công ty TNHH MTV Chu Nhật Phát	-	-	145,992,000	145,992,000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Minh Quang	-	-	23,210,000	23,210,000

<i>Đại Thành</i>	-	-	7,744,000	7,744,000
<i>Công ty CP phát triển thương mại Đức Việt</i>	-	-	220,000,000	220,000,000
<i>Công ty CP Quốc tế Hải Âu</i>	-	-	2,090,000	2,090,000
<i>Công ty CP tiếp vận AVINA</i>	-	-	7,749,995	7,749,995
<i>Công ty TNHH An kỳ Hà nội</i>	-	-	5,170,000	5,170,000
<i>Công ty TNHH Hóa chất Gia Linh</i>	-	-	29,238,300	29,238,300
<i>Nghiêm Minh Long</i>	-	-	2,325,000	2,325,000
<i>Nguyễn Thị Huyền</i>	-	-	8,360,000	8,360,000
<i>Trần Tiến Đạt</i>	-	-	-	-
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả	-	-	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	-	-	-	-
Cộng			1,743,535,489	2,211,711,293
			2,155,864,989	2,211,711,293

14. Người mua trả tiền trước

	31-12-15	01/01/2015
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Cổ phần thực phẩm Otran	-	21,220,729
Công ty Cổ phần thực phẩm Sơn La	9,971,266	-
Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Vĩnh	2,137,751	-
Các đối tượng khác	282,610	9,041,002
Cộng	12,391,627	30,261,731

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính:
VND

Khoản mục	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31-12-15
a) Phải nộp				
Thuế GTGT hàng nội địa	-	938,330,793	938,330,793	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4,668,029,174	4,668,029,174	-
Thuế TNDN	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	3,155,848	-	3,155,848

Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	25,168,700	25,168,700	-
Các loại thuế khác	-	3,000,000	3,000,000	-
Cộng	-	5,637,684,515	5,634,528,667	3,155,848
b) Phải thu				
Thuế GTGT hàng nội địa	-	-	-	-
Thuế Xuất nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế TNDN	855,743,915	-	-	855,743,915
Thuế thu nhập cá nhân	2,420,211	5,994,590	3,574,379	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Cộng	858,164,126	5,994,590	3,574,379	855,743,915

14. Chi phí phải trả

	31-12-15	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	-
Dự phòng tiền lương	-	-
Chi phí lãi vay	-	-
Chi phí quảng cáo	-	-
Chi phí phải trả khác	-	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	-	-

16. Phải trả khác

	31-12-15	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	3,484,252	-
Phải trả về cổ phần hoá	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	209,351,810	269,727,300
Các khoản phải trả, phải nộp khác	149,347,585	485,889,352

b) Dài hạn	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	362,183,647	755,616,652

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

17.1 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31-12-15	01/01/2015
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	202,488,717
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	-	-
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	202,488,717

18. Vốn chủ sở hữu

18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính:
				VND
				Cộng
Số dư ngày 01/01/2014	129,724,750,000	99,524,000	(41,866,617)	129,782,407,383
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
Lỗ trong năm	-	-	(5,987,524,533)	(5,987,524,533)
Tăng khác	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(577,963,088)	(577,963,088)
Số dư ngày 01/01/2015	129,724,750,000	99,524,000	(6,607,354,238)	123,216,919,762
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lỗ trong năm	-	-	(9,226,569,481)	(9,226,569,481)
Chia cổ tức	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-

Số dư ngày 31/12/2015	129,724,750,000	99,524,000	(15,833,923,719)	113,990,350,281
------------------------------	-----------------	------------	------------------	-----------------

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31-12-15	01/01/2015
	VND	VND
Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	103,780,300,000	103,780,300,000
Vốn góp của đối tượng khác	25,944,450,000	25,944,450,000
Cộng	129,724,750,000	129,724,750,000

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	129,724,750,000	129,724,750,000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	129,724,750,000	129,724,750,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

18.4 Cổ phiếu

	31-12-15	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12,972,475	12,972,475
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	12,972,475	12,972,475
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12,972,475</i>	<i>12,972,475</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12,972,475	12,972,475
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12,972,475</i>	<i>12,972,475</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

18.5 Cổ tức

	Năm 2015	Năm 2014
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên Cổ phiếu phổ thông:	-	-

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-	-

18.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2015	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31-12-15
Quỹ đầu tư phát triển	95,572,220,798	-	-	95,572,220,798
Quỹ khác thuộc vốn CSH	-	-	-	-
Cộng	95,572,220,798	-	-	95,572,220,798

***) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
a) Doanh thu	56,575,665,588	132,121,424,347
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	54,749,678,438	130,200,214,945
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,825,987,150	1,921,209,402
Cộng	56,575,665,588	132,121,424,347

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giảm giá hàng bán	-	131,098,762
Hàng bán bị trả lại	64,915,154	-
Cộng	64,915,154	131,098,762

3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu thuần bán hàng hoá, thành phẩm	54,749,678,438	130,069,116,183
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1,825,987,150	1,921,209,402
Cộng	56,575,665,588	131,990,325,585

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm	48,555,752,552	113,641,190,314
Giá vốn cung cấp dịch vụ	483,253,100	1,651,167,672
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(76,695,895)	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	48,962,309,757	115,292,357,986

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi	1,330,574,679	43,690,694
Lãi chênh lệch tỷ giá	25,595,211	4,036,824
Lãi vay thuế GTGT hàng OMO	270,836,814	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	250,288,889	-
Cộng	1,877,295,593	47,727,518

5. Chi phí tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	1,914,782	636,909,839
Lỗ chênh lệch tỷ giá	21,431,450	202,939,957
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Cộng	23,346,232	839,849,796

6. Thu nhập khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập từ tiền cho thuê nhà, gửi xe	-	-
Thu lại khấu hao nhanh từ các năm trước của dây chuyền sản xuất chai nhựa đã không còn sản xuất	809,954,880	-
Tiền bồi thường	107,111,836	-
Bán phế liệu, tiền điện	725,420,356	374,278,943
Các khoản thu nhập khác	238,485	-
Cộng	1,642,725,557	374,278,943

7. Chi phí khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
--	-----------------	-----------------

Chi phí KHTSCĐ không tham gia sản xuất kinh doanh	520,976,930	-
Chi phí tiền điện nước	294,552,946	282,867,311
Cộng	815,529,876	282,867,311

8. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	10,534,039,598	8,631,943,578
Chi phí nhân viên quản lý	3,450,903,175	1,316,931,007
Chi phí vật liệu quản lý	272,911	16,569,781
Chi phí khấu hao TSCĐ	3,460,029,037	3,520,058,679
Thuế, phí và lệ phí	53,337,700	47,032,000
Chi phí dự phòng	221,393,535	-
Chi phí mua ngoài	1,984,283,368	2,968,604,950
Chi phí bằng tiền khác	1,363,819,872	762,747,161
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	8,719,626,885	13,091,841,832
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	7,855,229,364	12,254,359,927
Chi phí nhân viên bán hàng	1,836,398,234	1,665,126,993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,018,831,130	10,589,232,934
Thuế, phí, lệ phí	34,316,549	6,049,818
Chi phí vật liệu bao bì	44,297,847	8,553,758
Chi phí khuyến mại	350,581,442	60,498,170
Khấu hao tài sản cố định	90,100,876	9,768,832
Chi phí khuyến mại bằng sản phẩm	-	-
Chi phí bằng tiền khác	345,100,807	752,611,327
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí QLDN	-	-

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7,196,770,843	6,679,385,558
Chi phí nhân công	8,027,196,123	4,025,938,637
Chi phí công cụ dụng cụ	579,072,915	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7,568,825,770	7,119,994,993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,784,765,186	12,560,556,901
Chi phí bằng tiền khác	2,368,549,905	1,326,304,717
Cộng	35,525,180,742	31,712,180,806

10. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	60,030,771,584	132,543,430,808
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	69,054,852,348	137,855,993,192
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(9,024,080,764)	(5,312,562,384)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(9,226,569,481)	(5,987,524,533)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(9,226,569,481)	(5,987,524,533)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12,972,475	12,972,475
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(711)	(462)

13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(9,226,569,481)	(5,987,524,533)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	12,972,475	12,972,475
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(711)	(462)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

13. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
12. Số tiền đi vay thực thu trong năm:		56,268,328,292
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	1,303,390,410	56,268,328,292
13. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:	1,303,390,410	70,625,673,878

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:

1,303,390,410

70,625,673,878

VIII Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Bản công bố thông tin ngày 01/12/2014 của Tập đoàn Hoá chất Việt Nam về việc thoái vốn của Nhà nước tại Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội theo Quyết định số 252 ngày 16/06/2014 của Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam và Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ thì Tập đoàn Hoá chất Việt Nam sẽ thoái toàn bộ 10.378.030 cổ phiếu, tương ứng 103.780.300.000 VND tiền vốn tại Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội (chiếm 80% trên tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội). Phương thức thoái vốn: bán đấu giá theo lô thông qua Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá khởi điểm dự kiến là 18.000 VND/Cổ phiếu, thời gian thực hiện thoái vốn: từ ngày 01/12/2014 đến ngày 31/03/2015. Ngày 15/7/2015, Tập đoàn Hóa chất tiếp tục công bố thông tin thoái vốn tại Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội. Phương thức thoái vốn: đấu giá công khai trên Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, giá khởi điểm dự kiến là 12.200 VND/Cổ phiếu, thời gian thực hiện thoái vốn: quý 03/2015. Ngày 17/9/2015 theo Công văn 1376/SGDHCM-NY của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh về việc Hủy bán đấu giá cổ phần của Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam nắm giữ, nguyên nhân của việc hủy bán đấu giá cổ phần này là đến 16h00 ngày 16/9/2015, là thời điểm kết thúc thời hạn đăng ký tham gia đấu giá và nộp tiền đặt cọc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam nắm giữ chỉ có một nhà đầu tư tham gia đăng ký đấu giá. Như vậy, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, việc thoái vốn nêu trên của Tập đoàn Hoá chất Việt Nam vẫn chưa hoàn tất.

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco	Đầu tư dài hạn khác

b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu		4,914,526,267
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	2,735,659,503	4,914,526,267
Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco	293,672,947	281,757,311
Mua hàng		-
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	99,786,810	-
Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì	99,786,810	20,983,820
	1,029,863,400	

c) Số dư với các bên liên quan:

	31-12-15 VND	01/01/2015 VND
--	-----------------	-------------------

Các khoản phải thu khách hàng	1,083,708,011	-
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	1,060,927,099	
Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco	22,780,912	-
Các khoản phải trả	147,905,340	-
Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì	147,905,340	-

d) Thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lương	543,592,582	631,490,727
Cộng	543,592,582	631,490,727

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.11 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	31-12-15 VND	01/01/2015 VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	45,315,742,642	7,344,099,327
Nợ thuần	(45,315,742,642)	(7,344,099,327)
Vốn chủ sở hữu	209,562,571,079	218,789,140,560
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	(0.22)	(0.03)
Cộng	164,246,828,437	211,445,041,233

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.1

Các loại công cụ tài chính

Giá trị ghi sổ

	31-12-15	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	45,315,742,642	7,344,099,327
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7,675,034,770	30,589,456,292
Các khoản đầu tư tài chính	71,250,000,000	71,250,000,000
Cộng	124,240,777,412	109,183,555,619
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	2,518,048,636	2,967,327,945
Chi phí phải trả	-	-
Cộng	2,518,048,636	2,967,327,945

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công cụ nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31-12-15	01/01/2015	31-12-15	31-12-15
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	3,564.77	245.00
Euro (EUR)				
Yên Nhật (JPY)				

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
31-12-15			
Phải trả người bán và phải trả khác	2,518,048,636	-	2,518,048,636
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản vay	-	-	-
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
01/01/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	2,967,327,945	-	2,967,327,945
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản vay	-	-	-

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
31-12-15			
Tiền và các khoản tương đương tiền	45,315,742,642	-	45,315,742,642
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7,675,034,770	-	7,675,034,770
Các khoản đầu tư tài chính	-	71,250,000,000	71,250,000,000
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
01/01/2015			

Tiền và các khoản tương đương tiền	7,344,099,327	-	7,344,099,327
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30,589,456,292	-	30,589,456,292
Các khoản đầu tư tài chính	-	71,250,000,000	71,250,000,000

2. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn thuế, kế toán và Kiểm toán Avina (IAFC). Và như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư 200, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp, theo đó một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 được phân loại, trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu để so sánh kỳ này. Chi tiết số liệu được phân loại, trình bày lại như sau:

31/12/2015

Chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại VND
Các khoản phải thu khác	287,988,299	(287,988,299)	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	459,169,827	459,169,827
Tài sản ngắn hạn khác	171,181,528	(171,181,528)	-
Quỹ đầu tư phát triển	94,817,642,009	754,578,789	95,572,220,798
Quỹ dự phòng tài chính	754,578,789	(754,578,789)	-

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN XÀ PHÒNG HÀ NỘI

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đã ký
Vũ Thị Hương

Đã ký
Lê Hải Sơn

Đã ký
Trương Văn Minh

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÀ PHÒNG
HÀ NỘI
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI
TRƯƠNG VĂN MINH